

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH LÂM ĐỒNG

Bản tin

# KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ DOANH NGHIỆP

Số 01.2025



## TIN TỨC - SỰ KIỆN

**01** Thúc đẩy phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa

**05** Đề án người cao tuổi tham gia đẩy mạnh chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, khởi nghiệp và tạo việc làm

## HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP

**07** Những giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Lâm Đồng vượt qua những khó khăn, thách thức

**11** Nhiệm vụ và giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh trong giai đoạn hiện nay

**14** Trình độ công nghệ sản xuất, chế biến cà phê tại Lâm Đồng - Thực trạng và giải pháp

**17** Giải thưởng Chất lượng Quốc gia với doanh nghiệp tỉnh Lâm Đồng

**21** Công tác triển khai các chương trình, đề án nhằm hỗ trợ phát triển bền vững ngành hoa tỉnh Lâm Đồng

**24** Công nghệ mới - Sản phẩm mới

**26** Tin cảnh báo từ các nước thành viên WTO

## KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

**29** Áp dụng tiêu chuẩn ESG giúp doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh

## DOANH NGHIỆP CẦN BIẾT

**31** Bản đồ doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH LÂM ĐỒNG

Bản tin  
**KHOA HỌC CÔNG NGHỆ  
VÀ DOANH NGHIỆP**

Số 01.2025



## SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 36 Trần Phú, Phường 4, thành phố Đà Lạt

Điện thoại: 0263 3821377

Fax: 0263 3824941

Email: [skhcn@lamdong.gov.vn](mailto:skhcn@lamdong.gov.vn)

Website: <http://skhcn.lamdong.gov.vn>



## THỨC ĐẨY PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

**NGUYỄN THỊ LÊ NA**

Sở Công Thương tỉnh Lâm Đồng

**Theo Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa 2017, doanh nghiệp nhỏ và vừa bao gồm doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp vừa, có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 200 người và đáp ứng một trong hai tiêu chí sau:**

- + Tổng nguồn vốn không quá 100 tỷ đồng.
- + Tổng doanh thu của năm trước liền kề không quá 300 tỷ đồng.

Ngày 25/3/2025, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 10/CT-TTg nhằm tăng cường hỗ trợ cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong bối cảnh hiện nay. Đây là văn bản chỉ đạo mang tính chiến lược, định hướng quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp, nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng suất lao động và cải thiện năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Khu vực kinh tế tư nhân, trong đó trọng tâm là doanh nghiệp nhỏ và vừa (chiếm khoảng 98% tổng số doanh nghiệp đang

hoạt động trong nền kinh tế) luôn có vai trò rất quan trọng trong phát triển kinh tế xã hội. Khu vực kinh tế tư nhân đóng góp hơn 50% GDP, 30% tổng thu ngân sách nhà nước, tạo ra hơn 40 triệu việc làm (chiếm hơn 82% tổng số lao động trong nền kinh tế). Các doanh nghiệp nhỏ và vừa là lực lượng chủ yếu khai thác các thị trường ngách, huy động tối đa nguồn lực trong dân phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Các doanh nghiệp nhỏ và vừa có mặt ở hầu hết các ngành, nghề, lĩnh vực sản xuất, kinh doanh. Với tính chất quy mô nhỏ và vừa, doanh nghiệp nhỏ và vừa

luôn thể hiện sự linh hoạt, năng động, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp thành công các mô hình kinh doanh mới, sáng tạo. Ngay cả trong những thời kỳ khó khăn, các doanh nghiệp nhỏ và vừa vẫn nỗ lực duy trì hoạt động sản xuất - kinh doanh, thể hiện trách nhiệm xã hội với cộng đồng và đất nước.

Tuy nhiên, các doanh nghiệp nhỏ và vừa còn gặp nhiều khó khăn, thách thức để phát triển nhanh, bền vững cả về số lượng, quy mô, chất lượng, hiệu quả hoạt động. Mặc dù chiếm số lượng đông đảo nhưng chất lượng hoạt động của doanh nghiệp nhỏ và vừa chưa cao (khoảng 90% là quy mô nhỏ, số vốn dưới 10 tỷ đồng), năng lực cạnh tranh còn hạn chế, phần lớn chưa tham gia được vào hoạt động xuất khẩu và chuỗi giá trị, chưa có công nghệ gốc và tiềm lực để số hóa hoạt động kinh doanh; quản trị doanh nghiệp chưa tiệm cận với các chuẩn mực và thông lệ quốc tế.

Trong bối cảnh tình hình thế giới diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường, kinh tế nước ta đã có sự phục hồi nhanh và rõ nét, là điểm sáng về tăng trưởng và ổn định kinh tế vĩ mô trong khu vực và trên thế giới. Năm 2024, nước ta đã hoàn thành toàn bộ 15/15 chỉ tiêu chủ yếu. Năm 2025 là năm đặc biệt quan trọng, có ý nghĩa then chốt, tạo nền tảng để đất nước bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình phát triển giàu mạnh, văn minh, thịnh vượng của dân tộc. Cộng đồng doanh nghiệp nói chung, trong đó các doanh nghiệp nhỏ và vừa đóng vai trò quan trọng để đạt được mục tiêu tăng trưởng kinh tế 8% vào năm 2025 và tiến đến tăng trưởng 02 con số trong những năm tiếp theo.

Nhằm tháo gỡ các rào cản, khó khăn, tạo điều kiện tối đa để doanh nghiệp nhỏ và vừa bứt phá, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ

tịch UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan có liên quan tiếp tục thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các mục tiêu phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa nhanh, bền vững, tăng trưởng về số lượng, chất lượng, quy mô, hiệu quả hoạt động và đóng góp quan trọng vào nền kinh tế; phấn đấu từ nay đến năm 2030 có thêm ít nhất 01 triệu doanh nghiệp.

Ưu tiên bố trí nguồn lực hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, trong đó tập trung vào hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo; nâng cao năng lực cạnh tranh tham gia chuỗi giá trị; chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, phát triển các mô hình kinh doanh mới; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Các bộ, ngành, địa phương có liên quan nêu cao tinh thần trách nhiệm, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, coi khó khăn của người dân, doanh nghiệp là khó khăn của mình để chủ động hỗ trợ, đồng hành, tháo gỡ trên tinh thần *“không nói không, không nói khó, không nói có mà không làm”*, *“không hình sự hóa các quan hệ kinh tế, quan hệ dân sự”*, quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt; giao nhiệm vụ cụ thể trên tinh thần *“rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ thời gian, rõ kết quả”*.

Phát huy vai trò của các tổ chức, hiệp hội đại diện cho cộng đồng doanh nghiệp, làm cầu nối giữa doanh nghiệp với các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội; thường xuyên đối thoại, trao đổi thông tin, giải quyết khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp trong hoạt động đầu tư, kinh doanh.

Doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp tục phát huy truyền thống tự hào, tự tôn dân tộc, huy động tối đa các nguồn lực; chủ động, sáng tạo, linh hoạt, đổi mới, tinh thần đột phá, dám nghĩ, dám làm, dám mạo hiểm, có khát vọng để phát triển sản xuất, kinh

doanh, làm giàu cho bản thân, xã hội.

Theo Chỉ thị, một trong những nhiệm vụ trọng tâm là hoàn thiện chính sách, pháp luật, cải cách thủ tục hành chính, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, bình đẳng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Các bộ, ngành, địa phương tiếp tục tập trung triển khai quyết liệt, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đề ra tại các Nghị quyết của Trung ương, Bộ Chính trị, Quốc hội, Chính phủ... nhằm tháo gỡ các rào cản, khó khăn, tạo điều kiện huy động tối đa nguồn lực của doanh nghiệp nhỏ và vừa đóng góp vào tăng trưởng, phát triển kinh tế. Cắt giảm tối đa các thủ tục hành chính, trong năm 2025 giảm ít nhất 30% thời gian xử lý thủ tục hành chính; giảm tối thiểu 30% chi phí tuân thủ; bãi bỏ ít nhất 30% điều kiện kinh doanh không cần thiết. Chuyển mạnh quản lý từ "tiền kiểm" sang "hậu kiểm", gắn với tăng cường công tác kiểm tra, giám sát.

Tập trung cải cách hành chính, giải quyết nhanh các thủ tục đầu tư, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, dự án. Đẩy mạnh phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số để giúp doanh nghiệp tiếp cận thông tin và các dịch vụ công thuận lợi, nhanh chóng.

Bộ Tài chính khẩn trương hoàn thiện dự thảo sửa đổi Luật Doanh nghiệp, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt; trình Chính phủ bảo đảm kịp trình Quốc hội xem xét, thông qua tại Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV theo quy định để khắc phục triệt để các bất cập, vướng mắc hiện nay. Đồng thời, nghiên cứu, đề xuất khung pháp lý quản lý, thúc đẩy phát triển tài sản số, tài sản mã hóa, tiền kỹ thuật số lành mạnh và hiệu quả, trình Chính phủ trong tháng 3/2025.

Bộ Khoa học và Công nghệ khẩn trương hoàn thiện dự thảo Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo, Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật sửa đổi,

trình Chính phủ bảo đảm kịp trình Quốc hội xem xét, thông qua tại Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV theo quy định.

Bộ Công Thương nghiên cứu, xây dựng, đề xuất Chính phủ trình Quốc hội đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội năm 2025 về dự thảo Luật Sản xuất sản phẩm công nghiệp trọng điểm nhằm thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm phù hợp với bối cảnh khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; báo cáo Chính phủ trong quý II/2025.

Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Tài chính có giải pháp hiệu quả đẩy mạnh hoạt động cho vay của Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa nhằm tạo kênh huy động vốn với chi phí hợp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Thực hiện triệt để việc đơn giản hoá quy trình, thủ tục, hồ sơ hỗ trợ ưu đãi thuế, hoàn thuế giá trị gia tăng cho doanh nghiệp; nghiên cứu áp dụng phương thức hậu kiểm để doanh nghiệp nhỏ và vừa không bị ảnh hưởng về dòng tiền và hoạt động kinh doanh.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam triển khai quyết liệt các chương trình, chính sách tín dụng cho doanh nghiệp theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; ưu tiên giữ ổn định lãi suất; điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt nhưng phải phù hợp, hiệu quả, tạo niềm tin cho doanh nghiệp; phối hợp với các bộ, ngành, địa phương kịp thời tháo gỡ vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện...

Đối với việc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chuyển đổi số, tăng năng suất lao động, xây dựng thương hiệu doanh nghiệp Việt để mở rộng thị trường và tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các bộ, ngành, địa phương triển khai hiệu quả các hoạt động hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, tập trung vào đào tạo nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp

cho người lao động tại các doanh nghiệp; đào tạo quản trị doanh nghiệp chuyên sâu; đào tạo theo nhu cầu thực tế tại doanh nghiệp; đào tạo trực tuyến cho doanh nghiệp.

Thúc đẩy triển khai các chương trình, giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, phát triển các mô hình kinh tế mới (kinh tế tuần hoàn, kinh tế sáng tạo, kinh tế chia sẻ); các ngành, lĩnh vực mới nổi (trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, năng lượng mới, y sinh học, công nghiệp văn hóa, công nghiệp giải trí...).

Phát huy hơn nữa vai trò của Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam và các Hiệp hội doanh nghiệp, Hiệp hội ngành hàng. Nâng cao hiệu quả vai trò kết nối cộng đồng doanh nghiệp, phát huy tính đại diện cho doanh nghiệp hội viên trong việc tham gia góp ý, xây dựng, phản biện chính sách; theo dõi, giám sát, đánh giá độc lập quá trình xây dựng và thực thi pháp luật và các chương trình, kế hoạch, dự án phát triển của Nhà nước liên quan đến doanh nghiệp nhỏ và vừa; đại diện bảo vệ quyền lợi hội viên trong các tranh chấp.

Chỉ thị số 10/CT-TTg không chỉ khẳng định cam kết của Chính phủ trong việc phát triển lực lượng mạnh mẽ của doanh nghiệp nhỏ và vừa mà còn mở ra nhiều cơ hội mới cho các doanh nghiệp vươn lên trong giai đoạn đầy thách thức. Sự hỗ trợ kịp thời và hiệu quả từ Chính phủ cùng với sự đồng hành của các hiệp hội sẽ là nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp nhỏ và vừa, đồng thời thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế tư nhân tại Việt Nam.

Tại tỉnh Lâm Đồng, để triển khai thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 25/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh giao các sở, ban, ngành, địa phương tập

trung tháo gỡ các rào cản, khó khăn, tạo điều kiện huy động tối đa nguồn lực của doanh nghiệp đóng góp vào tăng trưởng, phát triển kinh tế. Cắt giảm tối đa các thủ tục hành chính theo lộ trình đề ra năm 2025; chuyển mạnh quản lý từ "tiền kiểm" sang "hậu kiểm", gắn với công tác kiểm tra, giám sát; tập trung cải cách thủ tục hành chính, giải quyết nhanh các thủ tục đầu tư, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, dự án. Triển khai hiệu quả các hoạt động hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho doanh nghiệp, tập trung vào đào tạo nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp cho người lao động tại các doanh nghiệp; đào tạo chuyên sâu, theo nhu cầu thực tế tại doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, phát triển các mô hình kinh tế mới; các ngành, lĩnh vực mới nổi... Hỗ trợ nâng cấp doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn liên kết với các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp đầu chuỗi, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Đồng thời, tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp phát triển hoạt động thương mại điện tử xuyên biên giới; phát triển dịch vụ logistics; tăng cường hội nhập quốc tế, mở rộng thị trường xuất khẩu.

Các hội/hiệp hội doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh cần chủ động, tích cực và nâng cao hiệu quả vai trò kết nối cộng đồng doanh nghiệp; phát huy tính đại diện cho doanh nghiệp hội viên trong việc tham gia góp ý, xây dựng, phản biện chính sách; theo dõi, giám sát, đánh giá độc lập quá trình xây dựng và thực thi pháp luật và các chương trình, kế hoạch, dự án phát triển của Nhà nước, của tỉnh liên quan đến doanh nghiệp nhỏ và vừa. Đẩy mạnh hoạt động và nâng cao chất lượng hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa; tăng cường kết nối và nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế...



## ĐỀ ÁN NGƯỜI CAO TUỔI THAM GIA ĐẨY MẠNH CHUYỂN ĐỔI SỐ, CHUYỂN ĐỔI XANH, KHỞI NGHIỆP VÀ TẠO VIỆC LÀM

Ngày 20/02/2025, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 379/QĐ-TTg phê duyệt Đề án Người cao tuổi tham gia đẩy mạnh chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, khởi nghiệp và tạo việc làm (Đề án).

Theo đó, mục tiêu tổng quát của Đề án là nâng cao nhận thức của xã hội, chính quyền các cấp về vị trí, vai trò của người cao tuổi; nhận thức, khát vọng của cán bộ, hội viên, người cao tuổi về chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đối với việc người cao tuổi tham gia đẩy mạnh chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, khởi nghiệp và tạo việc làm trong giai đoạn phát triển mới.

Phát huy tiềm năng, vai trò, kinh nghiệm của người cao tuổi tham gia đẩy mạnh chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, khởi

ngiệp và tạo việc làm phù hợp với nguyện vọng, nhu cầu, khả năng đóng góp quan trọng của người cao tuổi thực hiện mục tiêu phát triển bền vững đất nước.

Tạo điều kiện để người cao tuổi tham gia đẩy mạnh chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, khởi nghiệp và tạo việc làm; nâng cao chất lượng cuộc sống vật chất và tinh thần; tiếp tục nêu gương sáng, giáo dục thế hệ trẻ bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Cụ thể, giai đoạn 2025-2030, phấn đấu 90% cán bộ, hội viên, người cao tuổi được tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, khởi nghiệp và tạo việc làm; phấn đấu 50% người cao tuổi thành thạo các kỹ năng

số cơ bản, bao gồm: dịch vụ công trực tuyến; mua sắm trực tuyến; thanh toán trực tuyến, tự bảo vệ mình trên không gian mạng và sử dụng các nền tảng số khác tùy theo đặc thù của địa phương.

Trồng ít nhất 100 triệu cây xanh, mỗi tỉnh có ít nhất 05 mô hình của người cao tuổi về thu gom, phân loại rác thải tại nguồn, 03 mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn.

Ít nhất 1.260 người cao tuổi được hỗ trợ khởi nghiệp, 500 mô hình người cao tuổi khởi nghiệp; ít nhất 100.000 người có việc làm thông qua các mô hình người cao tuổi khởi nghiệp.

Đến 2035, phấn đấu 100% cán bộ, hội viên, người cao tuổi được tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, khởi nghiệp và tạo việc làm; phấn đấu 70% người cao tuổi thành thạo các kỹ năng số cơ bản (bao gồm: dịch vụ công trực tuyến; mua sắm trực tuyến; thanh toán trực tuyến, tự bảo vệ mình trên không gian mạng và sử dụng các nền tảng số khác tùy theo đặc thù của địa phương); ít nhất 2.500 người cao tuổi được hỗ trợ khởi nghiệp, 1.000 mô hình người cao tuổi khởi nghiệp...

Để thực hiện mục tiêu trên, Đề án đã đưa ra các giải pháp gồm: truyền thông nâng cao nhận thức của người cao tuổi về chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, khởi nghiệp và tạo việc làm; vai trò, vị thế đóng góp của người cao tuổi tham gia đẩy mạnh chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, khởi nghiệp và tạo việc làm vì sự phát triển bền vững của đất nước; nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ triển khai Đề án và cán bộ, hội viên, người cao tuổi về chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, khởi nghiệp và tạo việc làm.

Bên cạnh đó, xây dựng thí điểm mô hình về người cao tuổi tham gia đẩy mạnh chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, khởi nghiệp và tạo việc làm; nghiên cứu

khoa học và đề xuất chính sách hỗ trợ người cao tuổi; đẩy mạnh hoạt động tư vấn, phản biện; theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả thực hiện Đề án; tăng cường hợp tác quốc tế, huy động các nguồn lực hỗ trợ thực hiện có hiệu quả các hoạt động của Đề án.

Trong đó, xây dựng thí điểm mô hình về người cao tuổi tham gia đẩy mạnh chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, khởi nghiệp và tạo việc làm, Đề án nêu rõ, sẽ xây dựng mô hình người cao tuổi tham gia chuyển đổi số trong lao động sản xuất, quản lý, phát triển xã hội và trong các hoạt động của Hội Người cao tuổi; xây dựng và hỗ trợ các điều kiện để xây dựng mô hình hộ gia đình trồng cây xanh và bảo vệ môi trường.

Đồng thời, xây dựng mô hình người cao tuổi tham gia khởi nghiệp và tạo việc làm: rà soát, đánh giá, lựa chọn, củng cố, nâng cao chất lượng và hỗ trợ nguồn lực tạo điều kiện để duy trì, nhân rộng mô hình phù hợp hiện có và xây dựng mô hình mới tại cộng đồng; nghiên cứu đánh giá thực trạng, tổ chức tọa đàm, hội thảo đề xuất chính sách hỗ trợ người cao tuổi tham gia đẩy mạnh chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, khởi nghiệp và tạo việc làm; tạo cơ hội để các mô hình người cao tuổi thành công về khởi nghiệp, tạo việc làm được kết nối, hợp tác với doanh nghiệp trong nước và quốc tế...

Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì thực hiện nhiệm vụ người cao tuổi tham gia đẩy mạnh các hoạt động khởi nghiệp theo quy định tại Quyết định này và pháp luật khác có liên quan; tổ chức thực hiện các hoạt động người cao tuổi tham gia nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật.



Giới thiệu sản phẩm OCOP tỉnh Lâm Đồng năm 2024

## NHỮNG GIẢI PHÁP HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP TỈNH LÂM ĐỒNG VƯỢT QUA NHỮNG KHÓ KHĂN, THÁCH THỨC

**TÔ VĂN SANH**

*Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Lâm Đồng*

***Trong cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam, doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm tỷ lệ cao, đến khoảng 98% và được xác định là “xương sống” của nền kinh tế, đóng góp 45% GDP của cả nước. Việc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa được xem là nhiệm vụ trọng tâm trong chính sách phát triển của đất nước.***

Năm 2024 và những năm tiếp theo, bức tranh kinh tế của thế giới cũng như Việt Nam sẽ còn có rất nhiều khó khăn và thách thức, do đó, việc hỗ trợ các doanh nghiệp phát triển là điều tất yếu.

Trong thời gian qua, tại tỉnh Lâm Đồng, số lượng doanh nghiệp có sự tăng lên đáng kể. Đến tháng 02/2025, toàn tỉnh có khoảng 14.700 doanh nghiệp còn tư cách pháp nhân với tổng vốn đăng ký trên

178.000 tỷ đồng, bình quân vốn điều lệ của mỗi doanh nghiệp khoảng 12,15 tỷ đồng. Hoạt động của các doanh nghiệp đã đóng góp quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Lâm Đồng trong năm 2024. Cụ thể, tốc độ phát triển tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) ước tăng 5,3%; trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 5,1%; khu vực công nghiệp và xây dựng giảm 3,4%;

khu vực dịch vụ tăng 7,2%. Tổng lượng khách du lịch qua lưu trú đạt 7,6 triệu lượt khách, tăng 13,4% so với cùng kỳ; trong đó, khách quốc tế ước đạt 600 nghìn lượt khách, tăng 50%. Tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 985,8 triệu USD, tăng 6,1% so với cùng kỳ. Tổng thu ngân sách nhà nước đạt hơn 13.100 tỷ đồng, đạt chỉ tiêu Trung ương giao...

Tuy nhiên, qua đánh giá một cách toàn diện hoạt động của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh trong năm 2024 vẫn còn một số khó khăn, thách thức. Số doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động là 790, tăng 22,1%. Công tác cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh tuy có nhiều cố gắng nhưng chưa đáp ứng yêu cầu; quy mô doanh nghiệp còn nhỏ. Xuất khẩu qua các kênh thương mại điện tử chưa đạt như kỳ vọng. Ngành công nghiệp hỗ trợ phát triển chậm, còn phụ thuộc khá lớn vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu, dẫn đến tỷ lệ tận dụng chính sách ưu đãi xuất xứ từ các hiệp định thương mại tự do chưa cao. Khách du lịch quốc tế có tăng trưởng nhưng chiếm tỷ lệ rất thấp trong tổng lượt khách đến với tỉnh Lâm Đồng.

Các ngành sản xuất với mức độ phức tạp không đồng đều, trong bối cảnh đơn giá còn thấp, quy mô đơn hàng nhỏ, yêu cầu tiêu chuẩn ngày càng cao. Sản phẩm hàng hóa, dịch vụ chưa đạt được sức cạnh tranh cao, đặc biệt là các chủ thể OCOP gặp khó khăn trong khâu tiêu thụ sản phẩm vì cùng một loại hàng hóa có nhiều đơn vị sản xuất cộng thêm các mặt hàng nhập nội theo các hiệp định thương mại tự do (hoặc nhập không chính ngạch) có mức thuế xuất 0% nên giá cạnh tranh. Chi phí đầu vào vẫn ở mức cao (chi phí vận chuyển, áp lực tỷ giá, chính sách tăng lương tối thiểu, nguồn cung ứng nguyên, vật liệu xây dựng,...) làm gia tăng áp lực dòng tiền, trong khi doanh nghiệp vẫn khó

tiếp cận nguồn vốn ưu đãi (Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, Quỹ Đầu tư khởi nghiệp sáng tạo,...) để phát triển kinh doanh, một số chương trình hỗ trợ doanh nghiệp có nhiều nội dung hỗ trợ phải đối ứng 50% kinh phí làm hạn chế số lượng các doanh nghiệp vừa và nhỏ tham gia. Năng lực tài chính, trình độ quản trị, không có tài sản bảo đảm nên chưa tiếp cận được nguồn vốn vay ưu đãi. Nhiều rào cản kinh doanh vẫn còn tồn tại, phát sinh, làm gia tăng chi phí tuân thủ của doanh nghiệp, về hoàn thuế VAT, vướng mắc trong quy định thế chấp bất động sản khu công nghiệp, trong quản lý các doanh nghiệp vận tải, chấp hành quy định trong phòng cháy, chữa cháy. Khó khăn trong chuyển đổi xanh, đáp ứng các tiêu chuẩn xanh và phát triển bền vững; việc ứng dụng công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất chưa nhiều dẫn đến năng suất lao động không cao...

Nhìn chung, hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp trên địa bàn vẫn còn gặp nhiều khó khăn do chịu tác động kép từ yếu tố bên ngoài và những hạn chế, bất cập nội tại của nền kinh tế. Tuy nhiên, cùng với các chính sách hỗ trợ của Nhà nước, chương trình, chính sách tín dụng, các doanh nghiệp đã chủ động đổi mới dây chuyền công nghệ, máy móc, phương tiện sản xuất, kinh doanh, mở rộng thị trường kết nối doanh nghiệp, nhất là áp dụng các mô hình quản lý, sản xuất hiện đại... Qua đó, góp phần quan trọng trong giải quyết việc làm, thực hiện các chương trình an sinh xã hội, tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

Để hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Lâm Đồng vượt qua các khó khăn trước mắt để phát triển lâu dài, cần tập trung thực hiện nhiều giải pháp mang tính đồng bộ, lâu dài, nhất quán cụ thể như sau:

1. Thực hiện hiệu quả Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực thúc đẩy phát triển nền kinh tế của tỉnh nhanh, toàn diện, bền vững. Phát triển kinh tế ổn định, thúc đẩy tăng trưởng; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực xã hội. Rà soát, kiến nghị giải quyết sự chòng chéo giữa các quy hoạch trên địa bàn. Tập trung thực hiện hiệu quả, thực chất các nhiệm vụ, giải pháp tái cơ cấu nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng; đẩy mạnh phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế ban đêm, thương mại điện tử, các mô hình kinh doanh mới, hiệu quả; nghiên cứu, khai thác hiệu quả các động lực tăng trưởng mới.

2. Tiếp tục tập trung thực hiện cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính; giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng trình tự, thủ tục, thời gian theo quy định của pháp luật; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai của người dân, doanh nghiệp; tạo môi trường đầu tư minh bạch, thông thoáng; đẩy mạnh thanh toán điện tử và cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần.

3. Kịp thời tháo gỡ những điểm nghẽn, chòng chéo, vướng mắc, rào cản pháp lý hiện tại và không ban hành thêm văn bản tạo nên các rào cản mới đối với hoạt động đầu tư kinh doanh của doanh nghiệp. Thường xuyên rà soát, loại bỏ các thủ tục hành chính gây cản trở cho hoạt động sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp, đặc biệt là các thủ tục liên quan đến lĩnh vực đất đai, tín dụng, nhà ở xã hội, đăng ký kinh doanh...

4. Tăng cường tuyên truyền các chính sách, pháp luật của Nhà nước; các quy

trình, thủ tục theo quy định... nhằm nâng cao sự hiểu biết và tính tự nguyện tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp; tiếp tục rà soát, đề xuất bãi bỏ các quy định về điều kiện kinh doanh không phù hợp. Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thông tin, đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số gắn với chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn, công nghệ cao và phát triển bền vững. Theo dõi sát tình hình thị trường thế giới để hỗ trợ, cung cấp thông tin đến doanh nghiệp xuất khẩu; triển khai các hoạt động thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa. Triển khai các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng thương mại điện tử, kinh doanh thương mại trên các nền tảng số để thúc đẩy hoạt động sản xuất - kinh doanh trên môi trường số; tiếp tục hỗ trợ cơ sở sản xuất công nghiệp thông qua chương trình khuyến công đạt hiệu quả.

5. Tập trung vào những nhóm nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm về hỗ trợ các cơ sở sản xuất, hợp tác xã, doanh nghiệp khôi phục nhanh chuỗi sản xuất, cung ứng, nhằm phục hồi và thúc đẩy phát triển sản xuất, kinh doanh, tăng trưởng kinh tế. Trong đó, thực hiện hiệu quả các chính sách miễn, giảm, gia hạn thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất, thuê mặt nước... Tăng cơ hội tiếp cận vốn cho khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa qua các Quỹ Bảo lãnh tín dụng, Quỹ Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; tiếp tục triển khai mạnh mẽ chương trình hỗ trợ lãi suất tín dụng đối với các khoản vay thương mại theo Nghị định số 31/2022/NĐ-CP ngày 20/5/2022 của Chính phủ về *hỗ trợ lãi suất từ ngân hàng nhà nước đối với các khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh*.

6. Tiếp tục triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, tiêu chuẩn, đo lường, chất

lượng giai đoạn 2021-2025 theo quy định. Hỗ trợ doanh nghiệp kết nối cung - cầu công nghệ, đặt hàng nghiên cứu, hoàn thiện công nghệ giữa các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, thúc đẩy phát triển thị trường công nghệ. Triển khai thực hiện những chương trình hợp tác nghiên cứu khoa học và công nghệ với các đơn vị trong và ngoài tỉnh.

**7.** Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất - kinh doanh cho doanh nghiệp; tăng khả năng tiếp cận vốn tín dụng cho người dân và doanh nghiệp, hướng tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất - kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên và các lĩnh vực có động lực tăng trưởng. Các sở, ban, ngành, địa phương chủ động giải quyết để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, hỗ trợ doanh nghiệp, nhà đầu tư theo quy định. Duy trì tốt hoạt động gặp gỡ, tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ doanh nghiệp trong sản xuất và kinh doanh; khắc phục tình trạng doanh nghiệp giải thể, ngừng hoạt động.

**8.** Triển khai, cụ thể hóa các chương trình hợp tác phát triển kinh tế - xã hội với các địa phương, quốc gia đã tiến hành ký kết hợp tác (Thành phố Hồ Chí Minh, Phú Yên, Khánh Hòa, Đồng Nai; Hàn Quốc, Ấn Độ...), nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ, hợp tác kinh doanh với địa phương khác. Tăng cường các hoạt động giới thiệu, quảng bá, xúc tiến thương mại, chương trình kết nối cung - cầu, kết nối giao thương, triển lãm sản phẩm Đà Lạt - Lâm Đồng tại hệ thống bán lẻ trong nước. Thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm và xây dựng thương hiệu hàng hóa tỉnh Lâm Đồng; triển khai nhân rộng điểm bán hàng Việt với tên gọi “*Tự hào hàng Việt Nam*”, điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP; điểm bán sản phẩm mang thương hiệu “*Đà Lạt - Kết tinh kỳ diệu từ đất lành*”... Hỗ trợ xuất

khẩu, đơn giản hóa các thủ tục xuất khẩu, cung cấp thông tin về thị trường, ngành hàng xuất khẩu; hỗ trợ thúc đẩy xuất khẩu qua thương mại điện tử; quảng bá nông sản trên các chuyến bay của Vietnam Airlines để tạo cơ hội xuất khẩu; hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các hội nghị kết nối giao thương với thương nhân nước ngoài. Phân tích, đánh giá, định hướng chuyên sâu về thị trường các nước thuộc Hiệp định EVFTA đến các mặt hàng nông sản chủ lực của tỉnh nhằm cung cấp thông tin và định hướng đến doanh nghiệp xuất khẩu trên địa bàn.

**9.** Triển khai có hiệu quả Đề án tổ chức kết nối nông nghiệp với công nghiệp chế biến, phát triển thị trường xuất khẩu nông sản và chuỗi giá trị toàn cầu tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2022-2025 (Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 27/01/2022 của UBND tỉnh). Trong đó, tập trung xây dựng các chuỗi liên kết từ sản xuất, chế biến đến tiêu thụ các sản phẩm nông sản, phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm.

**10.** Đẩy mạnh công tác thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đặc biệt là các dự án trọng điểm nhằm khơi thông nguồn lực cho hoạt động đầu tư sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp.

**11.** Đẩy mạnh hợp tác với các cơ sở dạy nghề trong tỉnh để đào tạo nghề theo yêu cầu thực tiễn sản xuất - kinh doanh. Xây dựng và hoàn thiện chính sách đào tạo nguồn nhân lực chất lượng, đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp; thúc đẩy liên kết, hợp tác đào tạo giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp nhằm gắn đào tạo với thị trường, doanh nghiệp. Tổ chức các lớp tập huấn, kỹ năng về hội nhập quốc tế và kinh tế đối ngoại cho các doanh nghiệp, hợp tác xã. Hỗ trợ đào tạo, đào tạo lại cho người lao động để tạo nguồn lao động có chất lượng cho doanh nghiệp.



## NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG KINH DOANH, NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP TỈNH TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

**PHAN CHÍ THANH**  
Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng

*Nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) là một trong những chỉ đạo trọng tâm, xuyên suốt của tỉnh Lâm Đồng nhằm cải thiện môi trường đầu tư, thu hút doanh nghiệp vào sản xuất, kinh doanh. Tỉnh đã rất quyết tâm trong chỉ đạo, điều hành về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo sự thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình hoạt động sản xuất - kinh doanh trên địa bàn; trong đó, chỉ đạo thực hiện quyết liệt, đồng bộ nhiều giải pháp, nhất là đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, rút ngắn quy trình xử lý, giảm thời gian thực hiện, giảm chi phí hành chính, bảo đảm công khai, minh bạch và nâng cao trách nhiệm của các cơ quan hành chính nhà nước.*

Trong bối cảnh hội nhập toàn cầu ngày càng sâu, rộng, cải thiện môi trường đầu tư và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia là yêu cầu tất yếu đối với các quốc gia, đặc biệt là các nền kinh tế đang phát triển. Điều đó càng được thể hiện rõ hơn tại các địa phương tại Việt Nam, khi mục tiêu thu hút đầu tư ngày càng được quan tâm chú trọng, trong khi đó việc thu hút

các nguồn lực đầu tư từ cả trong và ngoài nước cũng đang đối diện với không ít thách thức, khó khăn.

Môi trường đầu tư là yếu tố quyết định đến sự hấp dẫn và hiệu quả của các khoản đầu tư trong một địa phương. Một môi trường đầu tư thuận lợi không chỉ giúp thu hút nguồn vốn từ những nhà đầu tư mà còn tạo điều kiện để các doanh

nghiệp phát triển lâu dài.

Ngày 08/01/2025, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 02/NQ-CP về *những nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2025*; theo đó, UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành Kế hoạch số 1007/UBND-KH1 ngày 06/02/2025 về việc *thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ*, trong đó, cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh; đồng thời, xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, phân công cụ thể nhằm góp phần thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của năm 2025, phấn đấu tăng trưởng đạt 02 con số theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số 140/CT-TTg ngày 27/12/2024, Nghị quyết số 36-NQ/TU ngày 31/12/2024 của Tỉnh ủy và Nghị quyết số 340/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của HĐND tỉnh; bám sát chủ đề năm 2025 của Tỉnh ủy là *"Nhanh nhạy, năng động; đổi mới, đột phá; tăng tốc, phát triển"*.

Lâm Đồng đã và đang có nhiều nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, triển khai nhiều biện pháp đồng hành cùng doanh nghiệp, hỗ trợ tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi để đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án, thúc đẩy khởi nghiệp, phát triển doanh nghiệp; đồng thời, luôn xem công tác hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp là nền tảng, động lực, nhiệm vụ trọng tâm trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Tập trung đẩy mạnh đầu tư kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông, nỗ lực trong xây dựng chính quyền điện tử, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo và thành phố thông minh nhằm phục vụ ngày càng tốt hơn nhu cầu đầu tư phát triển doanh nghiệp, mở ra không gian phát triển rộng lớn cho nền kinh tế tỉnh nhà.

Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đã có những bước phát triển khá mạnh cả về

số lượng, quy mô và chất lượng. Tính đến tháng 02/2025, toàn tỉnh có khoảng 14.700 doanh nghiệp còn tư cách pháp nhân đang hoạt động với tổng số vốn đăng ký trên 178.000 tỷ đồng; trong đó, doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm khoảng 97,7%. Tỉnh Lâm Đồng đã triển khai nhiều chương trình hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư máy móc, thiết bị tiên tiến, xây dựng và đăng ký nhãn hiệu, triển khai các kế hoạch hỗ trợ xuất khẩu, cung cấp thông tin về thị trường, ngành hàng xuất khẩu; triển khai các nội dung thuộc Đề án tổ chức kết nối nông nghiệp với công nghiệp chế biến, phát triển thị trường xuất khẩu nông sản và chuỗi giá trị toàn cầu giai đoạn 2022-2025 trong năm 2024 như xây dựng mô hình các kênh tiêu thụ nông sản, nhân rộng điểm bán sản phẩm OCOP tỉnh Lâm Đồng; tổ chức và hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia một số chương trình hội chợ, triển lãm, xúc tiến thương mại, giới thiệu sản phẩm.

Thường xuyên công khai các chính sách hỗ trợ ưu đãi của Trung ương và địa phương đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa, về điều kiện đầu tư kinh doanh, quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp trong việc tự bảo vệ mình trước các hành vi tiêu cực, nâng cao nhận thức, hiểu biết, tạo điều kiện để doanh nghiệp thực thi pháp luật phục vụ sản xuất - kinh doanh; giúp doanh nghiệp nắm bắt, tiếp cận và tìm hiểu về các quy định, hướng dẫn, tạo điều kiện cho doanh nghiệp trong việc tuân thủ pháp luật được đầy đủ, tiết kiệm chi phí.

Mặc dù đã có nhiều kế hoạch, giải pháp, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa được ban hành; tuy nhiên, để đáp ứng điều kiện được hỗ trợ theo quy định còn hạn chế; năng lực, đổi mới công nghệ của các doanh nghiệp còn yếu do đa số doanh nghiệp có quy mô nhỏ và siêu nhỏ. Việc phối hợp với các ngành, địa phương trong công tác quản lý nhà nước ở một số lĩnh vực đôi lúc chưa thật

sự chặt chẽ. Công tác kiểm tra, rà soát, sửa đổi, bổ sung, thay thế những văn bản quy phạm pháp luật không còn phù hợp, mâu thuẫn, chồng chéo ở một số lĩnh vực chưa quyết liệt và kịp thời.

Trong thời gian tới, để góp phần cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, cần triển khai một số nhiệm vụ, giải pháp sau:

*Thứ nhất*, tiếp tục đẩy mạnh các giải pháp cải cách và nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân, doanh nghiệp; tiếp tục rà soát, kiểm tra, cập nhật để phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương đảm bảo các chỉ tiêu Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ giao.

*Thứ hai*, tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm Chỉ thị số 34-CT/TU ngày 20/4/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 03/10/2024 của UBND tỉnh. Đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có bản lĩnh chính trị vững vàng, trình độ, năng lực, đạo đức, lối sống trong sáng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Xây dựng chính quyền điện tử, ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính. Triển khai có hiệu quả công tác cải cách thủ tục hành chính; hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành, nâng cao hiệu quả thực thi thủ tục hành chính phục vụ người dân, doanh nghiệp.

*Thứ ba*, tiếp tục triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo. Hỗ trợ doanh nghiệp kết nối cung - cầu công nghệ, đặt hàng nghiên cứu, hoàn thiện công nghệ giữa các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, thúc đẩy phát triển thị trường công nghệ.

*Thứ tư*, tiếp tục triển khai các nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp. Các sở, ban, ngành, địa phương chủ động giải

quyết để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, hỗ trợ doanh nghiệp, nhà đầu tư theo quy định. Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động đối thoại doanh nghiệp ở các cấp, ngành từ tỉnh đến địa phương; đa dạng các kênh thông tin, chủ động tiếp thu, nắm bắt nhanh chóng tình hình doanh nghiệp, nhà đầu tư để có các giải pháp kịp thời hỗ trợ.

*Thứ năm*, triển khai thu hút đầu tư các dự án phù hợp quy hoạch, định hướng phát triển của địa phương. Tập trung rà soát các khó khăn, vướng mắc để thực hiện thu hút đầu tư; ưu tiên đối với các dự án đầu tư phát triển các ngành kinh tế động lực, các ngành khai thác lợi thế của tỉnh; thu hút các tập đoàn có định hướng, chiến lược phát triển mở rộng thị trường, cam kết đầu tư lâu dài; hỗ trợ tối đa thu hút các doanh nghiệp FDI; minh bạch hóa thông tin về quy hoạch, đất đai, thủ tục hành chính trên các cổng/trang thông tin điện tử.

*Thứ sáu*, các tổ chức tín dụng tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các chương trình, chính sách tín dụng; cấp tín dụng hướng vào các lĩnh vực sản xuất - kinh doanh, nhất là lĩnh vực ưu tiên, các động lực tăng trưởng của nền kinh tế theo chủ trương của Chính phủ, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp tiếp cận vốn, bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

*Thứ bảy*, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thông tin, đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số gắn với chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn, công nghệ cao và phát triển bền vững.

*Thứ tám*, tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ; tạo điều kiện để doanh nghiệp tiếp cận vốn ưu đãi, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; phát triển các quỹ đầu tư hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới công nghệ; cải thiện môi trường khởi nghiệp, hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số.



## TRÌNH ĐỘ CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT, CHẾ BIẾN CÀ PHÊ TẠI LÂM ĐỒNG - THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

**NGUYỄN HỒNG NGỌC**

Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lâm Đồng

*Lâm Đồng là một trong những tỉnh trọng điểm về sản xuất và chế biến cà phê của Việt Nam, với diện tích trồng cà phê lên đến 177.576 ha và sản lượng đạt 589.108 tấn. Sản phẩm cà phê sau khi thu hoạch được các doanh nghiệp, hợp tác xã trực tiếp thu mua, sơ chế, sản xuất và chế biến; hầu hết các doanh nghiệp này đều tập trung ở nơi thuận lợi về vùng nguyên liệu, giao thông để lưu thông hàng hóa.*

Theo thống kê, tính đến cuối năm 2023, toàn tỉnh Lâm Đồng có 108 doanh nghiệp, hợp tác xã sản xuất, chế biến cà phê đang hoạt động. Các doanh nghiệp sản xuất, chế biến cà phê tập trung chủ yếu tại thành phố Bảo Lộc (31 doanh nghiệp), Đà Lạt (25 doanh nghiệp); các huyện Di Linh (16 doanh nghiệp), Lâm Hà (15 doanh nghiệp); còn lại phân bố rải rác ở các địa phương khác trong tỉnh.

Năm 2024, Sở Khoa học và Công nghệ

phối hợp với các đơn vị liên quan tiến hành khảo sát nhằm đánh giá trình độ công nghệ của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, chế biến cà phê trên địa bàn tỉnh. Cuộc khảo sát được thực hiện tại 70/108 doanh nghiệp và hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế biến cà phê trên địa bàn. Quá trình thu thập dữ liệu bao gồm phân tích số liệu thống kê, phỏng vấn trực tiếp tại doanh nghiệp và xem xét tài liệu chính thức.

## THỰC TRẠNG

### Doanh nghiệp sản xuất, chế biến cà phê

Trong 70 doanh nghiệp được chọn khảo sát, có 56 doanh nghiệp đang hoạt động; 14 doanh nghiệp đã chuyển đổi ngành, nghề hoặc ngừng hoạt động. Qua 56 doanh nghiệp khảo sát cho thấy, hầu hết các doanh nghiệp được thành lập và hoạt động sản xuất - kinh doanh trong giai đoạn 2011-2019, chiếm tỷ lệ 66%; thành lập từ năm 2020 đến nay chỉ chiếm 16%; còn lại là thành lập trước năm 2010.

Quy mô các doanh nghiệp chủ yếu là vừa và nhỏ (siêu nhỏ chiếm 82,1%; nhỏ chiếm 14,3%; vừa chiếm 3,6%). Số lượng lao động trung bình đạt 10 người/doanh nghiệp.

### Trang thiết bị, công nghệ và năng lực chuyển đổi số

Hầu hết máy móc, thiết bị công nghệ sử dụng tại các doanh nghiệp sản xuất, chế biến cà phê đều được sản xuất tại Việt Nam (chiếm 91,6%); 8,4% máy móc, thiết bị nhập khẩu.

Máy móc, thiết bị công nghệ sản xuất chủ yếu trước năm 2020 chiếm 63%, sản xuất sau năm 2020 chiếm 37%. Giá trị đầu tư bình quân 270,6 triệu đồng/máy. Sản lượng thiết kế bình quân 536,4 tấn/máy. Tổng giá trị đầu tư bình quân gần 1.150 triệu đồng/doanh nghiệp.

Các doanh nghiệp sản xuất, chế biến sản phẩm cà phê trong những năm qua chưa thực hiện đổi mới, ứng dụng công nghệ trong sản xuất; hầu hết máy móc, công nghệ được đưa vào sử dụng chủ yếu trong giai đoạn 2020-2024.

Qua khảo sát, có 10,7% doanh nghiệp chưa áp dụng chuyển đổi số. Các doanh nghiệp đã áp dụng chuyển đổi số chiếm 89,3%, trong các lĩnh vực sau: 19,6% hoạt động sản xuất; 42,9% bán hàng; 1,8% tài chính; 5,4% marketing; 3,6% truyền thông

nội bộ; 16% hoạt động khác.

Mức độ áp dụng công nghệ số tại các doanh nghiệp sản xuất, chế biến cà phê hiện nay đã triển khai chiếm 30,4%; trong đó, triển khai tại một số bộ phận chiếm 28,6%; triển khai toàn bộ trong nhà máy của doanh nghiệp chiếm 1,8%.

### Tổ chức quản lý và bảo vệ môi trường

Các doanh nghiệp qua khảo sát có áp dụng tiêu chuẩn: 14,3% tiêu chuẩn ISO 9001; 21,5% tiêu chuẩn ISO 22000; 44,6% tiêu chuẩn HACCP; 14,3% tiêu chuẩn quản lý khác.

Có 9% doanh nghiệp có hệ thống xử lý chất thải đáp ứng yêu cầu theo quy định; 3,6% doanh nghiệp có hệ thống tái chế và tái sử dụng chất thải.

### Tình hình sản xuất và tiêu thụ

Tổng sản lượng sản phẩm cà phê sản xuất năm 2024 của các doanh nghiệp được khảo sát ước đạt 5.398 tấn (bình quân 96,4 tấn/doanh nghiệp). Tổng doanh thu thuần ước đạt 536.385 triệu đồng (bình quân đạt 9.578,3 triệu đồng/doanh nghiệp).

Thị trường tiêu thụ của các doanh nghiệp sản xuất, chế biến sản phẩm cà phê chủ yếu là trong nước (chiếm 94,6% doanh nghiệp). 5,4% doanh nghiệp tham gia xuất khẩu với số lượng sản phẩm xuất khẩu đạt 3.063 tấn, giá trị xuất khẩu đạt 899 triệu đồng, bình quân gần 300 triệu đồng/doanh nghiệp.

Chủng loại cà phê được các doanh nghiệp sản xuất, chế biến và tiêu thụ phần lớn là cà phê robusta, chiếm 64,3% tổng số doanh nghiệp với khối lượng sản xuất năm 2024 đạt 223,9 tấn, giá trị đạt 44.297 triệu đồng; cà phê arabica chiếm 58,9% với khối lượng sản xuất năm 2024 đạt gần 494,2 tấn, giá trị đạt 81.689 triệu đồng.

### Nhu cầu vay vốn, thay đổi công nghệ

## **sản xuất**

Qua kết quả khảo sát, 10,7% doanh nghiệp cần hỗ trợ vay vốn từ Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ; còn lại có nhu cầu vay từ các nguồn khác.

Tỉnh Lâm Đồng là địa phương có lợi thế và tiềm năng về tài nguyên đất đai, nguồn nước, nguồn nhân lực và điều kiện sinh thái phù hợp để phát triển nông nghiệp, đặc biệt là cà phê. Điều này giúp doanh nghiệp sản xuất, chế biến cà phê của địa phương có nhiều ưu thế. Đây là ngành sản xuất trọng điểm của tỉnh mang lại giá trị kinh tế cao. Phát triển bền vững là hướng đi cần có sự hợp tác của chính quyền, doanh nghiệp, nông dân.

Kết quả khảo sát cho thấy, hầu hết doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ, trong đó, siêu nhỏ chiếm tỷ lệ lớn; các doanh nghiệp đầu tư thiết bị, công nghệ chưa đúng mức để gia tăng giá trị sản phẩm, bảo vệ môi trường, xã hội và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm.

## **MỘT SỐ GIẢI PHÁP**

Để phát triển ổn định, cần có giải pháp đồng bộ cả về cơ chế, chính sách cùng với giải pháp quản lý tài chính hiệu quả, thu hút vốn đầu tư, đầu tư công nghệ thích hợp, thực hiện chuyển đổi số... Vì vậy, để nâng cao trình độ ứng dụng công nghệ vào sản xuất, chế biến cà phê của doanh nghiệp trên địa bàn, cần thực hiện các giải pháp cơ bản sau:

1. Tăng cường tuyên truyền, khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã sản xuất, chế biến, kinh doanh cà phê đầu tư đổi mới công nghệ, chuyển đổi số trong các hoạt động của doanh nghiệp và bảo vệ môi trường theo các tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng.

Đẩy mạnh công tác bồi dưỡng nâng cao kiến thức quản lý kinh doanh theo cơ chế thị trường; nâng cao năng lực quản

lý, điều hành sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp cũng là một yếu tố quan trọng, quyết định sự phát triển bền vững có hiệu quả của toàn bộ nền kinh tế.

2. Thu hút vốn đầu tư vào các doanh nghiệp để chế biến sâu và gia tăng giá trị sản phẩm cà phê. Các doanh nghiệp cần mạnh dạn, có những chính sách thu hút vốn, tranh thủ nguồn vốn trong và ngoài nước để thực hiện mở rộng sản xuất, chế biến, kinh doanh các mặt hàng cà phê.

3. Chủ động tìm kiếm các nhà đầu tư nước ngoài với những chính sách ưu đãi để tiếp cận các công nghệ mới, nguồn vốn lớn. Thực hiện hệ thống thương mại điện tử, quảng bá thương hiệu, tìm kiếm đối tác cho doanh nghiệp.

4. Chú trọng và luôn đổi mới công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn sản phẩm và bảo vệ môi trường để phát triển sản phẩm cà phê một cách bền vững cũng như tạo cơ hội cho doanh nghiệp cà phê trong nước mở rộng thị phần xuất khẩu.

5. Tăng cường sự phối hợp trong quản lý nhà nước đối với hoạt động của doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp sản xuất, chế biến cà phê trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng nói riêng theo hướng tạo điều kiện thông thoáng và minh bạch để tạo điều kiện cho doanh nghiệp phát triển ổn định. Bên cạnh đó, cần xử lý nghiêm đối với những doanh nghiệp có hành vi gian lận, làm trái quy định của Nhà nước làm ảnh hưởng đến môi trường kinh doanh. Phát triển doanh nghiệp cũng chính là tạo cơ hội việc làm cho người lao động.

Ngành cà phê Lâm Đồng có tiềm năng phát triển nhờ lợi thế về nguyên liệu, khí hậu, nhưng cần đột phá về công nghệ và quản lý để cạnh tranh toàn cầu. Các giải pháp đồng bộ từ chính quyền, doanh nghiệp, người dân sẽ giúp ngành cà phê trở thành động lực kinh tế bền vững của tỉnh Lâm Đồng.



Ông Nguyễn Duy Đa - Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Giám đốc Công ty Cổ phần Viên Sơn nhận Giải Vàng Chất lượng Quốc gia Việt Nam (Ảnh: Báo Lâm Đồng)

## GIẢI THƯỞNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA VỚI DOANH NGHIỆP TỈNH LÂM ĐỒNG

### HỒ QUỐC THANH

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Lâm Đồng

**Giải thưởng Chất lượng Quốc gia được thiết lập trên cơ sở áp dụng các tiêu chí của Giải thưởng Malcolm Baldrige của Mỹ. Tiêu chí xét thưởng Giải thưởng Chất lượng Quốc gia được quy định tại Điều 27 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và tổng điểm tối đa của bảy tiêu chí này là 1.000 điểm.**

### GIỚI THIỆU VỀ GIẢI THƯỞNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA

Giải thưởng Chất lượng Việt Nam chính thức triển khai từ năm 1996, đến năm 2009, Giải thưởng Chất lượng đã được đưa vào Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và mang tên Giải thưởng Chất lượng Quốc gia do Thủ tướng Chính phủ quyết định trao tặng hàng năm. Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, nay là

Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia (Bộ Khoa học và Công nghệ) là cơ quan thường trực Giải thưởng.

Giải thưởng Chất lượng Quốc gia (GTCLQG) ra đời nhằm khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam xây dựng và áp dụng các hệ thống quản lý, mô hình, công cụ cải tiến, phát triển nguồn lực cần thiết để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa, tăng khả năng cạnh

tranh của sản phẩm, hàng hóa. GTCLQG được thiết lập, triển khai trên cơ sở chấp nhận mô hình và các tiêu chí của Giải thưởng Chất lượng Malcolm Baldrige của Hoa Kỳ, được thực hiện theo quy định tại Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Thông tư số 27/2019/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ ngày 26/12/2019 quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 và Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về GTCLQG. Đồng thời, các tiêu chí của GTCLQG được hình thành dựa trên cơ sở 07 tiêu chí cơ bản của Giải thưởng Chất lượng Malcolm Baldrige của Hoa Kỳ và các tiêu chí của Giải thưởng Chất lượng Quốc tế châu Á - Thái Bình Dương.

GTCLQG do Thủ tướng Chính phủ trao tặng cho các doanh nghiệp đạt thành tích trong việc nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất, kinh doanh và dịch vụ.

## LỢI ÍCH CỦA VIỆC THAM GIA GTCLQG

Doanh nghiệp tham gia GTCLQG sẽ học hỏi, đánh giá và cải tiến các hoạt động về công tác quản lý từ nhân lực, nguồn lực, công cụ quản lý chất lượng, tài chính, môi trường đến chất lượng sản phẩm, từ đó, giúp doanh nghiệp có biện pháp khắc phục kịp thời các thiếu sót hoặc sai lỗi trong quá trình quản lý và điều hành sản xuất, kinh doanh. Ngoài ra, khi đạt giải sẽ giúp doanh nghiệp được tôn vinh, quảng bá thương hiệu, nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

## ĐIỀU KIỆN THAM DỰ VÀ NGUYÊN TẮC XÉT THƯỞNG

Các tổ chức, doanh nghiệp có tư cách pháp nhân đã hoạt động sản xuất, kinh

doanh và dịch vụ liên tục tại Việt Nam và không vi phạm các quy định của pháp luật Việt Nam trong thời gian ít nhất 36 tháng tính đến thời điểm đăng ký tham dự GTCLQG; không phân biệt thành phần kinh tế, quy mô và không hạn chế số lượng các tổ chức tham dự.

Tổ chức, doanh nghiệp đã đạt GTCLQG thì không hạn chế số lần và thời gian tham dự; tổ chức, doanh nghiệp đã đạt Giải Vàng Chất lượng Quốc gia, sau 02 năm kể từ năm được Thủ tướng Chính phủ tặng Giải Vàng được tiếp tục tham dự lại GTCLQG.

Việc xem xét, đánh giá kết quả các tổ chức, doanh nghiệp tham gia Giải thưởng đảm bảo công khai, khách quan, công bằng qua vòng sơ tuyển ở cấp tỉnh và cấp quốc gia, dựa trên thang điểm do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành tại Thông tư số 27/2019/TT-BKHCN ngày 26/12/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 và Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về GTCLQG.

## TIÊU CHÍ GTCLQG PHIÊN BẢN 2025

GTCLQG được đánh giá theo 07 tiêu chí, cụ thể:

### Tiêu chí 1 - Vai trò của lãnh đạo

Tiêu chí này đề cập đến hành động cá nhân của các lãnh đạo cấp cao dẫn dắt và duy trì tổ chức như thế nào. Tiêu chí này cũng đề cập về hệ thống quản trị của tổ chức; cách tổ chức hoàn thành trách nhiệm pháp lý và đạo đức của mình; đóng góp xã hội như thế nào.

### Tiêu chí 2 - Chiến lược hoạt động

Tiêu chí này đề cập đến việc tổ chức xây dựng các mục tiêu chiến lược và kế hoạch hành động, thực hiện chúng, thay đổi chúng nếu hoàn cảnh yêu cầu và đo lường tiến trình như thế nào.

### Tiêu chí 3 - Chính sách định hướng vào khách hàng và thị trường

Tiêu chí này đề cập đến cách tổ chức

tương tác với khách hàng để đạt được thành công liên tục, bao gồm cách thức tổ chức lắng nghe khách hàng, xác định sản phẩm và/hoặc dịch vụ để đáp ứng nhu cầu của họ, xây dựng mối quan hệ lâu dài với khách hàng và nâng cao trải nghiệm của khách hàng.

#### **Tiêu chí 4 - Đo lường, phân tích và quản lý tri thức**

Tiêu chí này đề cập đến việc tổ chức đo lường, phân tích, xem xét và cải thiện hiệu suất của mình như thế nào và việc quản lý thông tin và tài sản tri thức của mình như thế nào.

#### **Tiêu chí 5 - Quản lý nguồn nhân lực**

Tiêu chí này đề cập đến cách thức tổ chức giải quyết khả năng và năng lực của lực lượng lao động cũng như cung cấp môi trường làm việc để hỗ trợ hiệu suất cao như thế nào.

Tiêu chí này cũng đề cập tổ chức gắn kết, quản lý và phát triển lực lượng lao động để sử dụng hết tiềm năng của họ và liên kết với nhu cầu kinh doanh tổng thể của mình.

#### **Tiêu chí 6 - Quản lý quá trình hoạt động**

Tiêu chí này đề cập đến cách thức tổ chức thiết kế, quản lý và cải thiện các sản phẩm và/hoặc dịch vụ cũng như các quá trình công việc của mình; đồng thời, đảm bảo hiệu quả hoạt động để mang lại giá trị cho khách hàng và đạt được thành công liên tục như thế nào.

#### **Tiêu chí 7 - Kết quả hoạt động**

Tiêu chí này đề cập đến hiệu suất và sự cải thiện của tổ chức trong tất cả các lĩnh vực chính - kết quả về sản phẩm và quá trình; kết quả và khách hàng; kết quả và lực lượng lao động; kết quả lãnh đạo và quản trị; các kết quả về tài chính, thị trường và chiến lược.

Bảy tiêu chí GTCLQG được chia thành 17 hạng mục với tổng số điểm là 1.000. Bảy tiêu chí GTCLQG bao gồm những khía cạnh hình thành nên các nhân tố thiết yếu giúp mang lại thành công cho

các tổ chức, doanh nghiệp. Có thể xem bảy tiêu chí GTCLQG là công cụ giúp các tổ chức, doanh nghiệp tìm hiểu về điểm mạnh cũng như điểm yếu của mình. Từ đó, tổ chức, doanh nghiệp có các biện pháp khắc phục kịp thời những thiếu sót, sai lỗi trong quá trình quản lý cũng như điều hành sản xuất - kinh doanh, có các cải tiến phù hợp giúp điều chỉnh hệ thống quản lý và đẩy mạnh chất lượng trong toàn bộ tổ chức để tạo ra sự phát triển bền vững trong vận hành tổ chức, doanh nghiệp.

## **HÌNH THỨC GIẢI THƯỞNG**

Gồm có: Giải Vàng Chất lượng Quốc gia và Giải thưởng Chất lượng Quốc gia. Các tổ chức, doanh nghiệp đạt giải sẽ được nhận cúp, giấy chứng nhận của Bộ Khoa học và Công nghệ; riêng các tổ chức, doanh nghiệp đạt Giải Vàng được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen.

## **HỒ SƠ THAM DỰ**

Tổ chức, doanh nghiệp nộp hồ sơ đăng ký tham dự bằng hình thức trực tuyến tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng. Thành phần hồ sơ gồm:

- (1) Đơn đăng ký tham dự GTCLQG theo mẫu;
- (2) Báo cáo giới thiệu chung về tổ chức, doanh nghiệp;
- (3) Báo cáo tự đánh giá theo 07 tiêu chí của GTCLQG;
- (4) Tài liệu chứng minh về việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến (bản sao y bản chính có ký tên và đóng dấu của tổ chức, doanh nghiệp), chứng chỉ hoặc tài liệu liên quan;
- (5) Tài liệu minh chứng về sự phù hợp của sản phẩm, hàng hóa chính với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng (bản sao y bản chính có ký tên và đóng dấu của tổ chức, doanh nghiệp);
- (6) Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường được phê duyệt và kết quả quan trắc

hàng năm hoặc báo cáo giám sát môi trường định kỳ theo quy định của pháp luật trong 03 năm gần nhất (bản sao y bản chính có ký tên và đóng dấu của tổ chức, doanh nghiệp);

(7) Xác nhận kết quả thực hiện nghĩa vụ thuế với Nhà nước và thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội đối với người lao động hàng năm trong 03 năm gần nhất (bản sao y bản chính có ký tên và đóng dấu của tổ chức, doanh nghiệp);

(8) Bản sao y bản chính có ký tên và đóng dấu của tổ chức, doanh nghiệp các tài liệu minh chứng khác về kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của tổ chức, doanh nghiệp trong 03 năm gần nhất (nếu có).

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (Sở Khoa học và Công nghệ) tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham dự GTCLQG trực tuyến trên hệ thống dịch vụ công của tỉnh Lâm Đồng.

## **TÌNH HÌNH TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP THAM GIA VÀ ĐẠT GIẢI**

Từ khi khởi động vào năm 1996 và chính thức đưa vào Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2009, Giải thưởng đã qua 28 năm triển khai và ghi nhận 2.163 lượt doanh nghiệp đạt giải, bao gồm nhiều doanh nghiệp đã vươn tầm quốc tế; trong đó, 280 lượt doanh nghiệp đoạt Giải Vàng, 1.750 lượt doanh nghiệp đoạt Giải Bạc, 139 lượt doanh nghiệp được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen và 52 lượt doanh nghiệp đoạt Giải thưởng Chất lượng Quốc tế châu Á - Thái Bình Dương.

Tại tỉnh Lâm Đồng, GTCLQG đã được phổ biến từ rất sớm; tuy nhiên, đến năm 2004, các doanh nghiệp bắt đầu tham dự, đã có 26 doanh nghiệp đạt giải (03 Giải Vàng, 23 GTCLQG). Năm 2024, có 01 doanh nghiệp tham dự, đang được hội đồng cấp quốc gia xem xét, đánh giá.

Tất cả doanh nghiệp đạt được Giải

thưởng vinh dự, cao quý này đều có những bước trưởng thành vượt bậc về chất và lượng, có thể kể đến như Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar), Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng (Ladofoods), Công ty Cổ phần Viên Sơn, Công ty TNHH Dịch vụ khoa học kỹ thuật Khoa Đăng.

Thông qua tham dự và đạt GTCLQG đã mang lại hiệu quả cho các doanh nghiệp tỉnh Lâm Đồng như: giúp lãnh đạo, doanh nghiệp nhận thức đúng lợi ích của việc áp dụng các tiêu chuẩn, hệ thống quản lý tiên tiến trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, huy động mọi nguồn lực sẵn có, chỉ đạo và lôi cuốn mọi người cùng tham gia xây dựng, áp dụng và hoàn thiện hệ thống quản lý nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm, cũng như luôn sẵn sàng thỏa mãn các yêu cầu của khách hàng. GTCLQG cũng giúp doanh nghiệp hoàn thiện chiến lược hoạt động và cải thiện hoạt động sản xuất, kinh doanh. GTCLQG hỗ trợ doanh nghiệp sử dụng phương pháp tự đánh giá trên cơ sở so sánh hoạt động của mình với các tiêu chí của Giải thưởng để xác định hiện trạng, trình độ quản lý chất lượng, xác định được các điểm mạnh, điểm yếu và những cơ hội, thách thức, từ đó đưa ra các giải pháp cải tiến và hoàn thiện thích hợp.

Giải thưởng GTCLQG nằm trong hệ thống Giải thưởng Chất lượng Quốc tế châu Á - Thái Bình Dương của Tổ chức Chất lượng châu Á - Thái Bình Dương. Không chỉ là Giải thưởng nhằm tôn vinh, khen thưởng các tổ chức, doanh nghiệp đạt thành tích xuất sắc về chất lượng trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; GTCLQG đã vượt ra ngoài khuôn khổ của những cuộc thi tuyển về chất lượng, trở thành công cụ hữu hiệu góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trên cơ sở tự hoàn thiện hoạt động và áp dụng các thực hành tốt nhất.



Hoa huệ tây (*Hippeastrum* spp.)

## CÔNG TÁC TRIỂN KHAI CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN NHẪM HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NGÀNH HOA TỈNH LÂM ĐỒNG

**LÊ THỊ THANH NGÀ**

*Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Lâm Đồng*

***Nghề trồng hoa được xác định là một trong những trụ cột quan trọng của nền nông nghiệp Lâm Đồng. Thương hiệu "Hoa Đà Lạt" là sản phẩm kinh tế hàng hóa có giá trị ngày càng cao trên thị trường. Trong chiến lược phát triển nghề trồng hoa đến năm 2030, tỉnh Lâm Đồng đặt mục tiêu xây dựng Đà Lạt trở thành trung tâm sản xuất hoa tươi hàng đầu khu vực Đông Nam Á.***

Điều kiện khí hậu, đất đai và tự nhiên tại tỉnh Lâm Đồng rất phù hợp cho việc canh tác đa dạng các loài hoa quanh năm. Nghề trồng hoa tại địa phương đã phát triển ngang tầm với các nước trong khu vực nhờ vào việc áp dụng nhiều công nghệ hiện đại trong sản xuất như giống, vật tư, thiết bị, hệ thống điều khiển nông nghiệp công nghệ cao.

Sản xuất hoa là một trong các ngành hàng chủ lực trong sản xuất nông nghiệp,

có tiềm năng phát triển lớn, có vai trò quan trọng thúc đẩy sự phát triển của ngành nông nghiệp Lâm Đồng và tạo sự khác biệt, lợi thế cạnh tranh với các vùng sản xuất khác trong nước. Hoa Đà Lạt không chỉ nổi bật về chất lượng mà còn về số lượng cung ứng cho thị trường nội địa, với diện tích trồng hoa lên đến gần 10.800 ha, sản lượng đạt trên 4,4 tỷ cành hoa và 400 giống hoa các loại.

Sản xuất hoa thúc đẩy và hỗ trợ ngành

du lịch, đặc biệt là du lịch canh nông để quảng bá, phát triển các sản phẩm hoa và cây giống hoa mang thương hiệu “Đà Lạt - Kết tinh kỳ diệu từ đất lành” đến các thị trường trong nước và quốc tế.

Diện tích gieo trồng hoa trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng tăng nhanh từ 7.761,4 ha, sản lượng 2.428 triệu cành năm 2015; đến năm 2023, đạt 10.136,8 ha, sản lượng đạt 4.082,9 triệu cành.

Vùng sản xuất hoa tập trung chủ yếu tại Đà Lạt (6.374 ha), Lạc Dương (1.811 ha), Đức Trọng (844,5 ha); còn lại rải rác tại các địa phương Đơn Dương, Lâm Hà, Di Linh, Bảo Lộc, Bảo Lâm (1.107,3 ha).

Giai đoạn 2015-2023, sản xuất hoa của tỉnh Lâm Đồng ghi nhận nhiều thay đổi về diện tích đối với từng loại hoa; tuy nhiên, cúc, hồng, lay ơn là 03 loại hoa chiếm diện tích nhiều nhất trong cơ cấu các giống hoa của tỉnh (62,7-70,6%). Cơ cấu các loại hoa năm 2023 có sự khác biệt so với năm 2015, trong đó, các loại hoa mở rộng diện tích như: hoa chấu tăng 11,9%, cẩm chướng tăng 1,4%; đối với các loại hoa hồng, cúc, lay ơn có sự chuyển dịch giảm dần (5,9% lay ơn; 6,5% cúc; 2,5% hoa hồng).

Năm 2023, giá trị xuất khẩu hoa đạt 66,27 triệu USD; trong đó, sản phẩm hoa cúc chiếm 24,9%, cẩm chướng 4%, hồng 2,4%, cát tường 1,2%; mặt hàng cây giống xuất khẩu chiếm 61,7%; còn lại là hoa lan, thủy tiên, lá trang trí và một số chủng loại hoa khác. Thị trường xuất khẩu chính là Nhật Bản (59,3%), Úc (3,3%), Đài Loan (3,1%), Trung Quốc (1,6%); ngoài ra, còn có một số nước như: Hàn Quốc, Bỉ, Thái Lan, Hà Lan, Philippine, Singapore, Pakistan, Nga, Campuchia.

Hiện nay, toàn tỉnh Lâm Đồng có 58 cơ sở sản xuất, kinh doanh giống hoa với năng lực sản xuất 564,4 triệu cây giống/năm. Giống hoa chủ yếu được tự nhân

giống bằng cách tự để giống (cúc, hồng, lay ơn,...); lượng giống hoa nhập khẩu hàng năm từ 60-70 triệu củ, cây, ngọn, cành, hạt giống, gồm các giống như cát tường, lan hồ điệp, lily, hồng môn, sồng đời, thu hải đường.... Trong thời gian qua, công tác nhân giống cây hoa theo công nghệ nuôi cấy mô được tỉnh Lâm Đồng chú trọng phát triển. Toàn tỉnh hiện có 50 cơ sở nuôi cấy mô tế bào thực vật với 647 box cấy, hàng năm, cung cấp cho thị trường trong và ngoài nước trên 74,5 triệu cây giống cấy mô các loại như cúc, sa lem, cây trang trí...; đây là nguồn giống ban đầu giúp các vườn ươm tiếp tục nhân giống phục vụ hoạt động sản xuất.

Ngày 03/6/2021, Sở Nông nghiệp và PTNT (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) ban hành Quyết định số 221/QĐ-SNN phê duyệt Đề án “Nhập khẩu giống hoa có bản quyền phục vụ phát triển ngành sản xuất hoa giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng” để hỗ trợ các doanh nghiệp nhập khẩu giống hoa có bản quyền. Hàng năm, Sở phối hợp với Hiệp hội Hoa Đà Lạt lập kế hoạch nhập khẩu giống và xin giấy phép kiểm dịch thực vật từ Cục Bảo vệ thực vật. Việc thực hiện Đề án đã góp phần hỗ trợ doanh nghiệp ngành hoa tháo gỡ các vướng mắc về nhập khẩu một số giống hoa mới không thực hiện phân tích nguy cơ dịch hại (PRA) để kịp thời phục vụ sản xuất hoa công nghệ cao, đẩy mạnh phát triển sản xuất hoa của tỉnh, phát huy lợi thế trong thời gian tới, góp phần nâng cao giá trị gia tăng đáp ứng yêu cầu của thị trường trong nước và phục vụ xuất khẩu. Qua thời gian thực hiện Đề án, có 14 giống hoa có năng suất cao, dịch hại thông thường, tiềm năng thị trường tốt, tiếp tục đề nghị nhập khẩu thử nghiệm diện rộng trong các năm sau, gồm: cúc ma trận; loa kèn; Matthiola; Craspedia; Scabiosa; dạ yến thảo; cỏ đồng tiền; mồm

sói; huệ tây; loa kèn lửa; thực dược; Calla Lily; diên vĩ; hoa thiên sứ.

Song song với việc hỗ trợ các doanh nghiệp nhập khẩu giống hoa mới, Sở cũng tham mưu UBND tỉnh ban hành danh mục giống cây nông - lâm nghiệp, giống vật nuôi, giống thủy sản và quy định quy mô dự án thực hiện chính sách phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng tại Quyết định số 991/QĐ-UBND ngày 17/5/2023. Triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ đối với phát triển sản xuất giống theo Nghị quyết số 144/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh *quy định nội dung, mức hỗ trợ kinh phí thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng*, Sở đã hỗ trợ Trung tâm Nghiên cứu Khoai tây, Rau và Hoa xây dựng hoàn thiện dự án “*Khảo nghiệm, xây dựng mô hình và công bố lưu hành một số giống hoa cúc mới lai tạo tại Đà Lạt, Lâm Đồng*” với mục tiêu tự công bố lưu hành một số giống hoa cúc mới lai tạo tại Đà Lạt, Lâm Đồng. Kết quả, Trung tâm Nghiên cứu Khoai tây, Rau và Hoa đã công bố lưu hành 02 giống hoa cúc mới lai tạo là C191 và C194, đăng tải trên trang thông tin điện tử của Cục Trồng trọt ngày 13/5/2024. Việc thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất giống giúp người dân, cơ sở sản xuất, doanh nghiệp nâng cao chất lượng nguồn giống, xác định được nguồn gốc giống và cung cấp giống tốt phục vụ ngành sản xuất hoa trên địa bàn tỉnh.

Ngoài ra, Sở còn thực hiện các dự án hỗ trợ liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm hoa trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (theo Nghị quyết số 104/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh phê duyệt *chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh*). Tính đến hết năm 2023, trên địa bàn toàn tỉnh có 07 chuỗi liên kết

sản xuất, tiêu thụ sản phẩm với quy mô 282 ha, sản lượng 138 triệu cành với sự tham gia của 378 hộ liên kết. Việc phát triển sản xuất theo chuỗi liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ bước đầu đã mang lại hiệu quả khả quan, sản phẩm hoa tiêu thụ qua chuỗi được ổn định đầu ra, khi tham gia chuỗi, sản phẩm hoa có giá bán cao hơn khoảng 10-15% so với sản phẩm thông thường, doanh nghiệp thu mua có được nguồn nguyên liệu ổn định, nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng. Đây cũng là động lực thúc đẩy liên kết sản xuất giữa nông dân, hợp tác xã, tổ hợp tác và doanh nghiệp, từng bước khắc phục tình trạng sản xuất manh mún, nhỏ lẻ, nâng cao giá trị sản phẩm, mang lại thu nhập ổn định cho người sản xuất hoa trên địa bàn tỉnh.

Hỗ trợ phát triển bền vững ngành hoa Lâm Đồng là một hành trình dài hạn, đòi hỏi sự tham gia, hợp tác chặt chẽ giữa chính quyền địa phương, doanh nghiệp và nhà nghiên cứu. Đây là một cơ hội không chỉ để phát triển ngành sản xuất hoa phục vụ nội tiêu, xuất khẩu mà còn đóng góp vào sự phát triển bền vững của kinh tế - xã hội tỉnh Lâm Đồng.

Bên cạnh những nỗ lực của địa phương, tỉnh Lâm Đồng cần có sự hỗ trợ từ Trung ương trong đầu tư các dự án *Nhập nội, mua bản quyền giống hoa mới* và dự án *Nhập nội, hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất giống* theo Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt *Chương trình Phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2030* để nâng cao năng lực cho các đơn vị, doanh nghiệp nghiên cứu, sản xuất giống trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, từ đó, chọn lọc, lai tạo được các giống chất lượng cao, có khả năng chống chịu sâu, bệnh hại, thích ứng với biến đổi khí hậu.

## CÔNG NGHỆ MỚI - SẢN PHẨM MỚI GIỐNG LÚA TBR225



**Giống lúa TBR225 có gen kháng bạc lá (KBL) được tạo ra bằng phương pháp lai, chuyển gen KBL Xa7 vào giống TBR225. Giống lúa TBR225 KBL đã khắc phục được nhược điểm của giống lúa cũ và mang lại hiệu quả kinh tế cao, giúp tăng thu nhập cho bà con nông dân.**

Giống lúa thuần TBR225 có thời gian sinh trưởng ngắn, có khả năng thích ứng rộng, phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu, tập quán canh tác của các địa phương trên cả nước.

Năng suất ước đạt từ 70-75 tạ/ha và có thể đạt từ 85-90 tạ/ha khi được thâm canh tốt. Giống lúa này có thể cấy được cả 02 vụ, chất lượng gạo trong, cơm mềm dẻo, đậm đà, ngon miệng và có mùi thơm, được người tiêu dùng ưa chuộng.

TBR225 đã thể hiện nhiều ưu thế vượt trội, mang lại hiệu quả kinh tế cao, góp

phần nâng cao năng suất lúa bình quân của cả nước và tăng thu nhập cho nông dân. Do đó, năm 2015, giống lúa TBR225 được Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn công nhận là giống quốc gia. Tuy nhiên, giống lúa này có nhược điểm là dễ nhiễm bệnh bạc lá (BBL) khá nặng vào vụ mùa, gây nhiều rủi ro trong canh tác. Trước thực trạng này và nhằm duy trì, phát triển một giống lúa tốt trong sản xuất, Công ty Cổ phần Tập đoàn Thái Bình Seed đã lai chuyển thành công gen KBL Xa7 vào giống lúa TBR225.

Giống lúa TBR225 KBL được tạo ra bằng phương pháp lai, chuyển gen KBL vào giống TBR225. Nhờ vậy, giống lúa TBR225 KBL vẫn giữ nguyên được các đặc tính tốt của giống TBR225 như: năng suất cao, chất lượng gạo ngon, khả năng thích ứng rộng...; khắc phục được nhược điểm của giống TBR225 là kháng BBL.

*Thông tin chi tiết xin liên hệ: Công ty Cổ phần Tập đoàn Thái Bình Seed.*

*Thôn Quyển, xã Vũ Chính, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.*

*Điện thoại: 0227 3830613; Email: info@thaibinhseed.vn*

## CÔNG NGHỆ MỚI - SẢN PHẨM MỚI GIỐNG VÙNG NĂNG SUẤT CAO

Hai giống vùng mới **BĐ.01, HLVĐ78** do Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp duyên hải Nam Trung bộ chọn tạo cho năng suất cao hơn đến 44%; đồng thời, chịu hạn tốt, thích hợp cho các vùng trồng ở khu vực phía Nam.

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu, vùng là cây trồng cần được ưu tiên lựa chọn vì chịu hạn tốt, thời gian sinh trưởng ngắn, khả năng thích ứng cao. Tuy nhiên, trong nước hiện nay chưa có nhiều nghiên cứu về cây vùng. Trước thực tế đó, Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp duyên hải Nam Trung bộ đã thực hiện đề tài “Nghiên cứu chọn tạo giống vùng năng suất cao cho các tỉnh phía Nam”.

Để tạo giống thích hợp với vùng duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên, nhóm nghiên cứu sử dụng giống CUMS-17 (nhập từ Ấn Độ) và vùng vàng Bình Định làm bố mẹ.

Để tạo giống cho vùng phía Nam, nhóm sử dụng giống VĐCĐ, giống địa phương được thu thập tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, làm mẹ; giống ĐH1, được phục tráng từ giống vùng địa phương của tỉnh Long An, làm bố.

Giống vùng BĐ.01 được tạo ra từ tổ hợp lai CUMS-17 và vùng vàng Bình Định. Giống vùng HLVĐ78 được chọn lọc từ tổ hợp lai VĐCĐ và ĐH1 theo phương pháp chọn lọc phủ hệ.

Các giống mới được trồng khảo nghiệm tại một số tỉnh phía Nam cùng với các giống đối chứng. Kết quả, giống vùng BĐ.01 không bị tách quả, chống đổ ngã tốt, thời gian sinh trưởng từ 83-93 ngày,



hạt màu vàng, hàm lượng dầu đạt 54,79%. Năng suất trồng trên đất phù sa chủ động nước tưới ở vùng duyên hải Nam Trung bộ đạt 1,47-1,72 tấn/ha. Giống trồng trên đất xám bạc màu phù sa cổ (đất hình thành từ trầm tích phù sa được bồi đắp cách đây hàng ngàn đến hàng triệu năm), không chủ động nước tưới tại vùng Tây Nguyên đạt 0,88-1,20 tấn/ha.

Giống HLVĐ78 có thời gian sinh trưởng từ 78-80 ngày, hạt màu đen, không bị tách quả, chống đổ ngã tốt, hàm lượng dầu đạt từ 53,3-53,6%. Kết quả khảo nghiệm cho thấy, năng suất trồng trên nền đất xám Bình Thuận đạt 15,43 tạ/ha; trên nền đất sau lúa vùng đồng bằng sông Cửu Long cho năng suất 15,17-15,24 tạ/ha.

Thông tin chi tiết xin liên hệ: Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp duyên hải Nam Trung bộ. Khu vực 8, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.  
Điện thoại: 0256 3846626; Fax: 0256 3646817; Email: asisov.vaas@mard.gov.vn

# TIN CẢNH BÁO

## TỪ CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN WTO



### BURUNDI, KENYA, RWANDA, TANZANIA, UGANDA

**Sản phẩm điều chỉnh:** trà xanh.

**Thông báo số:** G/TBT/N/BDI/556, G/TBT/N/KEN/1748, G/TBT/N/RWA/1123, G/TBT/N/TZA/1264, G/TBT/N/UGA/2096, ngày 10 tháng 01 năm 2025.

**Mô tả nội dung:** dự thảo tiêu chuẩn Đông Phi này nêu rõ các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với trà xanh *Camellia sinensis* (Linneaus) O. Kuntze.

Tiêu chuẩn này không áp dụng cho trà xanh phải qua chế biến thêm như khử caffein hoặc rang thêm; không áp dụng cho trà xanh có hương vị hoặc có mùi thơm.

**Mục tiêu và lý do, kể cả bản chất của các vấn đề khẩn cấp khi áp dụng:** yêu cầu về an ninh quốc gia; phòng ngừa các hành vi lừa dối và bảo vệ người tiêu dùng; bảo vệ sức khỏe hoặc sự an toàn của con người; bảo vệ môi trường; yêu cầu về chất lượng; hài hòa; tiết kiệm chi phí và nâng cao năng suất.

**Ngày dự kiến có hiệu lực:** sẽ được xác định.

**Ngày dự kiến thông qua:** sẽ được xác định.

**Ngày cuối cùng để lấy ý kiến:** 60 ngày kể từ ngày thông báo.

**Cơ quan chịu trách nhiệm:** Hội đồng Tiêu chuẩn Rwanda (RSB).

Địa chỉ: KK 15 Rd, 49 P.O.BOX 7099, Kigali, Rwanda

Điện thoại: +250 788303492

Email: [info@rsb.gov.rw](mailto:info@rsb.gov.rw)

Website: [www.rsb.gov.rw](http://www.rsb.gov.rw)



# TIN CẢNH BÁO

## TỪ CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN WTO



### CHILE

**Sản phẩm điều chỉnh:** các mảnh gỗ khô (độ ẩm dưới 20%) của gỗ thông Radiata, thông Oregon hoặc thông Ponderosa đã xẻ hoặc bào, dùng cho mục đích kết cấu.

**Thông báo số:** G/TBT/N/CHL/716, ngày 19 tháng 02 năm 2025.

**Mô tả nội dung:** tiêu chuẩn được thông báo thiết lập các yêu cầu phải đáp ứng đối với các mảnh gỗ khô (độ ẩm dưới 20%) của gỗ thông Radiata, thông Oregon hoặc thông Ronderosa đã xẻ hoặc bào, dùng cho mục đích kết cấu sử dụng và phân loại trực quan.

Dung sai kích thước phải đáp ứng các thông số kỹ thuật được nêu trong Tiêu chuẩn Chile (NCh) số 2824. Tiêu chuẩn này định nghĩa ba cấp: GS, G1 và G2. Trong đó:

- GS: được sử dụng như một thành phần kết cấu chịu lực nặng.
- G1: đặc biệt phù hợp cho dầm, sàn và giàn mái.
- G2: đặc biệt phù hợp cho các vách ngăn tường chịu lực.

Các đặc tính cơ học có thể chấp nhận được liên quan đến các cấp cơ học này được nêu trong Tiêu chuẩn Chile (NCh) số 1198.

**Mục tiêu và lý do, kể cả bản chất của các vấn đề khẩn cấp khi áp dụng:** yêu cầu về chất lượng.

**Ngày cuối cùng để lấy ý kiến:** 60 ngày kể từ ngày thông báo.

**Cơ quan chịu trách nhiệm:** Bộ Nhà ở và Phát triển đô thị.





## ÁP DỤNG TIÊU CHUẨN ESG GIÚP DOANH NGHIỆP NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH

**PHẠM VĂN DUẬT**

Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lâm Đồng

*Bộ tiêu chuẩn ESG là một thuật ngữ tiếng Anh viết tắt của 03 từ Environmental - Social - Governance; là bộ tiêu chuẩn về môi trường, xã hội và quản trị doanh nghiệp trong quá trình vận hành doanh nghiệp. Trong sự phát triển của nền kinh tế - xã hội hiện nay, cộng đồng ngày càng hiểu rõ hơn sự cần thiết của phát triển bền vững đối với nền kinh tế nói chung và từng doanh nghiệp nói riêng. ESG đóng vai trò như “kim chỉ nam” giúp các bên liên quan hiểu rõ cách thức doanh nghiệp quản lý các rủi ro, cũng như cơ hội phát triển bền vững cho doanh*

Ngày nay, các doanh nghiệp ngày càng chú trọng đến vấn đề bảo vệ môi trường và bền vững trong hoạt động sản xuất, kinh doanh để đạt được sự tín nhiệm từ phía người tiêu dùng và thu hút các nhà đầu tư tiềm năng. Vì vậy, doanh nghiệp cần khai thác ESG để nắm bắt các cơ hội đầu tư kinh doanh mới, tạo ra giá trị mới và nâng cao lợi thế cạnh tranh cho chính doanh nghiệp khi xu hướng kinh tế xanh đang diễn ra mạnh mẽ trên toàn cầu.

Khái niệm về ESG ban đầu được đề cập trong một ấn phẩm của nhà kinh tế học Howard Bowen (Hoa Kỳ) vào năm 1953 dưới dạng CSR - Corporate Social Responsibility (trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp). Đến năm 2004, thuật ngữ ESG mới chính thức được đề cập trong một bản báo cáo của Liên hợp quốc và các tổ chức tài chính. Báo cáo này có tên là “Who cares wins” (“Ai quan tâm chiến thắng”), đặt nền móng cho việc tích hợp

ESG vào các chiến lược đầu tư.

Tuy nhiên, phải đến cuối những năm 2010, tiêu chuẩn ESG mới được triển khai một cách rộng rãi và chủ động trong nhiều doanh nghiệp. Hiện nay, ESG được xem là khuôn khổ toàn diện bao gồm các yếu tố chính tác động đến môi trường, xã hội cũng như cách thức quản trị doanh nghiệp nhằm tối đa hóa lợi ích của các bên liên quan.

## BỘ TIÊU CHUẨN ESG

ESG là bộ tiêu chí được sử dụng để đánh giá các hoạt động và ảnh hưởng của một tổ chức, doanh nghiệp liên quan đến 03 lĩnh vực chính: môi trường, xã hội và quản trị. Đây là 03 tiêu chí chính dùng để đo lường các yếu tố liên quan đến định hướng và hoạt động phát triển bền vững của doanh nghiệp. ESG giúp các tổ chức xác định rủi ro và cơ hội cũng như mức độ ảnh hưởng khi áp dụng vào vận hành.

Điểm số ESG được đánh giá dựa trên tác động của doanh nghiệp đến môi trường, xã hội và hiệu quả quản trị của doanh nghiệp trong việc quản lý các ảnh hưởng đó. Điểm ESG càng cao chứng minh doanh nghiệp thực hành ESG tốt.

Tiêu chuẩn của ESG bao gồm nhiều vấn đề khác nhau, bắt nguồn từ luật quốc tế, luật địa phương hoặc các thỏa thuận và nguyên tắc của mỗi quốc gia. Để thực hiện ESG, doanh nghiệp cần đáp ứng ba trọng tâm chính với nhiều tiêu chí cụ thể.

Tiêu chuẩn ESG bắt đầu thu hút sự chú ý vào khoảng đầu thế kỷ 21. Mặc dù những khái niệm liên quan đến các yếu tố môi trường, xã hội và quản trị đã được thảo luận từ lâu, ESG như một khái niệm chính thức và cấu trúc hơn đã bắt đầu nổi bật từ những năm 2000.

Một trong những cột mốc quan trọng trong sự phát triển của ESG là vào năm 2004, khi Liên hợp quốc phát động Sáng kiến toàn cầu về đầu tư bền vững (UN Global Compact) và Ủy ban Nghiên cứu

và Khuyến nghị của Đại học Stanford về các tiêu chí đầu tư bền vững (UN PRI - Principles for Responsible Investment) được thành lập. Các tiêu chuẩn và khuyến nghị này đã giúp thúc đẩy sự quan tâm và áp dụng ESG trong các quyết định đầu tư và quản trị doanh nghiệp.

## BA TIÊU CHÍ TRONG ESG

Bộ tiêu chuẩn ESG bao hàm 03 nhóm tiêu chí, cụ thể:

### E - Environmental (Môi trường)

Đánh giá mức độ tác động của doanh nghiệp lên môi trường. Bao gồm các yếu tố như tiêu thụ năng lượng, phát thải khí nhà kính, quản lý rác thải, sử dụng tài nguyên tự nhiên và các hoạt động nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.

Đánh giá tác động của doanh nghiệp đến môi trường trong thực hành ESG bao gồm:

- *Phát thải khí nhà kính*: đo lường lượng CO<sub>2</sub> và các loại khí gây ô nhiễm mà doanh nghiệp phát thải ra môi trường. Doanh nghiệp cần tuân thủ theo các cam kết quốc tế và trong nước, chính sách quốc gia và quy định tại địa phương về vấn đề chống ô nhiễm môi trường.

- *Sử dụng năng lượng*: kiểm tra việc sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo và không tái tạo. Doanh nghiệp thực hiện ESG cần đảm bảo việc khai thác và sử dụng nguồn năng lượng một cách hiệu quả.

- *Quản lý tài nguyên*: bao gồm quản lý nước, sử dụng đất và tiêu thụ nguyên liệu thô. Để đạt được điểm số cao ở tiêu chí này, doanh nghiệp thực hiện ESG cần đảm bảo đã có đầy đủ giấy tờ cấp phép sử dụng và khai thác bất kỳ loại tài nguyên nào.

- *Quản lý rác thải*: doanh nghiệp cần đảm bảo rằng không thải ra môi trường các loại chất thải gây ô nhiễm. Bên cạnh đó, doanh nghiệp có thể bổ sung các quy

trình tái chế, tái sử dụng để tối ưu hóa chuỗi, giảm chất thải ra môi trường.

- *Tác động đến hệ sinh thái*: sự ảnh hưởng của hoạt động sản xuất và khai thác tài nguyên thiên nhiên đến đa dạng sinh học. Doanh nghiệp có thể phát triển công nghệ sạch, công trình xanh, tối ưu hóa nguồn năng lượng tái tạo sẽ được đánh giá cao về mức độ thực hiện ESG.

## **S - Social (Xã hội)**

Đánh giá cách doanh nghiệp quản lý các mối quan hệ với nhân viên, khách hàng, cộng đồng và các bên liên quan khác. Ví dụ như điều kiện làm việc, quyền lợi lao động, bình đẳng giới, bảo vệ sức khỏe, an toàn của nhân viên và sự đóng góp vào cộng đồng.

Đánh giá sự tác động của doanh nghiệp đối với xã hội, bao gồm:

- *Điều kiện làm việc*: doanh nghiệp cần đảm bảo cung cấp cho người lao động môi trường làm việc bình đẳng, thời gian làm việc hợp lý, đảm bảo về mặt an toàn lao động và sự công bằng trong đối xử với người lao động.

- *Bình đẳng và đa dạng*: Luật Lao động quy định các tổ chức không được phân biệt đối xử với nhân viên dưới bất kỳ hình thức nào về màu da, tôn giáo, quốc tịch,... Nhân sự nam và nhân sự nữ phải nhận được công bằng về mọi mặt: công việc, cơ hội thăng tiến, lương, thưởng...

- *Quyền lợi của người lao động*: người lao động cần được đảm bảo tham gia bảo hiểm xã hội đầy đủ, chính sách phúc lợi và đãi ngộ tương xứng với công việc và trình độ chuyên môn.

- *Quan hệ cộng đồng*: ngoài việc đảm bảo quyền lợi và phát triển nội bộ, doanh nghiệp thực hiện ESG cũng sẽ được đánh giá cao hơn nếu như có các dự án phát triển cộng đồng, ý kiến đóng góp xây dựng xã hội ngày càng phát triển hơn.

- *Chất lượng sản phẩm và sự hài lòng của khách hàng*: cách doanh nghiệp đảm

bảo an toàn, chất lượng và tính đạo đức trong việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ cho khách hàng.

## **G - Governance (Quản trị)**

Đánh giá cách mà doanh nghiệp được quản lý, vận hành. Các yếu tố bao gồm tính minh bạch, đạo đức kinh doanh, quản trị rủi ro, cấu trúc quản trị, sự tuân thủ pháp luật và quy định.

Để đánh giá các yếu tố quản trị nội bộ, doanh nghiệp thực hiện ESG cần đáp ứng các tiêu chí sau:

- *Minh bạch và công khai thông tin*: doanh nghiệp có minh bạch trong việc công bố thông tin tài chính, chiến lược và hoạt động không?

- *Cấu trúc hội đồng quản trị*: đánh giá tính độc lập, đa dạng và kinh nghiệm của các thành viên trong hội đồng quản trị.

- *Đạo đức kinh doanh*: doanh nghiệp cần thiết lập các chính sách chống tham nhũng, rửa tiền, hối lộ và gian lận.

- *Quản lý rủi ro*: cách thức doanh nghiệp quản lý các rủi ro kinh doanh, bao gồm cả rủi ro tài chính và phi tài chính.

- *Lợi ích của cổ đông*: cách doanh nghiệp giải quyết xung đột lợi ích và bảo vệ quyền lợi của các cổ đông nhỏ lẻ.

## **CHÍNH SÁCH, QUY ĐỊNH VỀ ESG TẠI VIỆT NAM**

Trong những năm qua, Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách và quy định nhằm thúc đẩy sự phát triển bền vững của doanh nghiệp theo tiêu chuẩn của ESG.

Năm 2020, Quốc hội ban hành Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, được chính thức thông qua ngày 03/11/2020 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/02/2021. Theo đó, doanh nghiệp tại Việt Nam có trách nhiệm áp dụng các biện pháp công nghệ, quản lý nhằm bảo vệ môi trường, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên thiên nhiên.

Ngày 26/7/2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 896/QĐ-TTg phê

duyệt *Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050*.

Ngày 21/01/2021, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 06/NQ-CP về *Chương trình hành động tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường theo Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị*.

Ngoài ra, Bộ Tài chính và Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội cũng đã ban hành các thông tư, quyết định về báo cáo phát triển bền vững và quản trị doanh nghiệp, góp phần hoàn thiện khung pháp lý về yếu tố quản trị (Governance) của ESG tại Việt Nam.

Nhìn chung, Việt Nam đã có những nỗ lực trong việc thúc đẩy doanh nghiệp tuân thủ các quy định về ESG; tuy nhiên, việc thực thi vẫn còn nhiều điểm hạn chế, cần có sự can thiệp nhiều hơn nữa từ Nhà nước và các ban, ngành có thẩm quyền. Bên cạnh đó, Chính phủ cũng cần tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý và tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa, nhằm giúp doanh nghiệp nâng cao nhận thức và áp dụng tốt hơn các tiêu chí của ESG.

## **THÁCH THỨC CỦA DOANH NGHIỆP KHI ÁP DỤNG ESG**

Bên cạnh những lợi ích có thể đạt được, ESG cũng đặt ra nhiều thách thức cho các doanh nghiệp hiện nay. Trong đó phải kể đến:

- Thiếu dữ liệu về ESG: việc thu thập các dữ liệu liên quan đến ESG có thể là một thách thức lớn đối với nhiều doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh phức tạp hoặc chuỗi cung ứng dài. Sự thiếu hụt về dữ liệu có thể làm giảm độ tin cậy của doanh nghiệp, từ đó ảnh hưởng đến giá trị thị trường và tiềm năng thu hút vốn đầu tư.

- Lo lắng về hiệu suất và lợi nhuận: doanh nghiệp thường phải chịu áp lực lớn về việc tạo ra nguồn lợi nhuận cao và ổn định. Điều này khiến doanh nghiệp buộc phải tập trung vào hiệu suất và lợi nhuận trong ngắn hạn, thay vì các mục tiêu dài hạn như trách nhiệm xã hội hay phát triển bền vững.

- Xu hướng “quảng cáo xanh”: quảng cáo xanh (Greenwashing) là hành vi quảng cáo hoặc cung cấp thông tin sai lệch về thành tích ESG của doanh nghiệp nhằm “đánh bóng” tên tuổi và đánh lừa các bên liên quan như khách hàng, đối tác, nhà đầu tư. Điều này khiến các nhà đầu tư lo ngại về tính chính xác, minh bạch của tiêu chuẩn ESG trong doanh nghiệp dẫn đến việc các doanh nghiệp thực sự tuân thủ ESG có thể bị ảnh hưởng tiêu cực bởi sự hoài nghi này.

## **GIẢI PHÁP GIÚP DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT ĐÁP ỨNG TIÊU CHUẨN ESG**

Xu thế đáp ứng tiêu chuẩn ESG của các doanh nghiệp sản xuất tại Việt Nam nói riêng và trên thế giới nói chung là xu thế tất yếu để theo đuổi sự phát triển bền vững. Do đó, điều này thúc đẩy các công ty cung cấp giải pháp đưa ra những công cụ hỗ trợ hiệu quả trong việc tối ưu quy trình và hiệu suất, phục vụ tiêu chuẩn ESG một cách chính xác để hướng đến mục tiêu sản xuất xanh, sản xuất bền vững.

Một trong những giải pháp hàng đầu cho các doanh nghiệp sản xuất đó là ứng dụng phần mềm quản lý thực thi sản xuất và quản lý năng lượng để có thể kiểm soát quy trình một cách chặt chẽ, đặc biệt là nguồn nhiên/vật liệu như điện, nước, xăng - dầu và phát thải để hướng đến việc đáp ứng chặt chẽ tiêu chuẩn ESG như quản trị hiệu quả, môi trường làm việc an toàn và bảo vệ môi trường tự nhiên.



Ảnh: Internet

## BẢN ĐỒ DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ VIỆT NAM

***Bản đồ doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam được kỳ vọng là công cụ quan trọng giúp định vị doanh nghiệp trên thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng cơ hội hợp tác trong nước và quốc tế.***

Việt Nam đang bước vào giai đoạn phát triển mạnh mẽ của công nghệ số; trong đó, đổi mới sáng tạo là chìa khóa để tạo ra sự khác biệt. Việc ra mắt bản đồ doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam không chỉ giúp doanh nghiệp định vị được năng lực của mình mà còn tạo nền tảng để mở rộng hợp tác, thu hút đầu tư và tiếp cận các thị trường mới.

Ngày 27/02/2025, Hiệp hội Phần mềm và Dịch vụ công nghệ thông tin Việt Nam (VINASA) công bố chương trình Top 10 và bản đồ doanh nghiệp công nghệ số (VINASA Tech Map) Việt Nam 2025 với nhiều đổi mới quan trọng. Chương trình năm 2025 không chỉ tiếp tục vinh danh các doanh nghiệp công nghệ số tiêu biểu mà còn là lần đầu tiên ra mắt bản đồ

doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam - công cụ quan trọng giúp định vị doanh nghiệp trên thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng cơ hội hợp tác trong nước và quốc tế.

Các hoạt động chính của VINASA Tech Map bao gồm định vị doanh nghiệp trong hệ sinh thái công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh; kết nối với mạng lưới đầu tư, quỹ hỗ trợ đổi mới sáng tạo; tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường quốc tế.

Bắt đầu thực hiện từ năm 2025, bản đồ doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam áp dụng mô hình đánh giá theo 02 trục chính gồm "tầm nhìn" (thể hiện định hướng phát triển, khả năng đổi mới trong tương lai của doanh nghiệp) và "khả năng thực thi"

(đánh giá mức độ triển khai, áp dụng sản phẩm, dịch vụ vào thực tế).

Trong đó, về *tầm nhìn*, VINASA Tech Map thể hiện định hướng phát triển và khả năng đổi mới trong tương lai, bao gồm chiến lược phát triển dài hạn, năng lực đổi mới sáng tạo, khả năng mở rộng thị trường và tác động đến ngành công nghệ số.

Về *khả năng thực thi*, đánh giá mức độ triển khai và áp dụng sản phẩm, dịch vụ vào thực tế, bao gồm tăng trưởng kinh doanh (doanh thu, thị phần, số lượng khách hàng), chất lượng sản phẩm/dịch vụ, năng lực triển khai và mức độ hài lòng của khách hàng.

Dựa trên 02 trục, doanh nghiệp được phân vào 04 nhóm:

- Nhóm Thực lực: doanh nghiệp có năng lực triển khai mạnh, tập trung vào hiệu quả thực tế.

- Nhóm Đầu tàu: doanh nghiệp dẫn dắt thị trường, vừa có tầm nhìn xa vừa có khả năng thực thi tốt.

- Nhóm Chuyên biệt: doanh nghiệp có thế mạnh trong lĩnh vực cụ thể, phát triển theo hướng chuyên sâu.

- Nhóm Khai phá: doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, tập trung vào công nghệ mới nhưng khả năng thực thi còn đang phát triển.

Qua các tiêu chí trên, bản đồ sẽ cung cấp dữ liệu toàn cảnh về hệ sinh thái doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam, phân loại theo lĩnh vực, quy mô, năng lực đổi mới và tiềm năng phát triển. Trong tương lai, bản đồ sẽ được hoàn thiện hơn, phản ánh doanh nghiệp thuộc nhiều phân khúc khác nhau, không chỉ giới hạn trong Top 10.

VINASA kỳ vọng, hệ thống đánh giá này sẽ giúp doanh nghiệp xác định vị thế trong từng lĩnh vực chuyên biệt cũng như trên bản đồ công nghệ số Việt Nam. Từ đó xây dựng và thực hiện các kế hoạch chiến lược để củng cố tiềm lực, nâng cao năng lực cạnh tranh, hướng đến phát triển bền vững.

Đặc biệt, ngày 22/12/2024, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW về *đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia* đã đặt mục tiêu đưa Việt Nam trở thành quốc gia đổi mới sáng tạo hàng đầu khu vực vào năm 2035. Trong đó, có một số chính sách hỗ trợ đáng chú ý như ưu đãi thuế, tín dụng cho doanh nghiệp đầu tư vào đổi mới sáng tạo, cơ chế miễn trừ trách nhiệm trong thử nghiệm công nghệ mới, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận thị trường quốc tế thông qua chương trình xúc tiến thương mại chuyên sâu...

Với sự đẩy mạnh đầu tư vào các công nghệ mới (AI, dữ liệu lớn, blockchain...), công nghệ xanh, cùng các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp theo Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngành công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông Việt Nam được kỳ vọng tiếp tục tăng trưởng mạnh, hướng đến mục tiêu đạt 4.320.000 tỷ đồng doanh thu vào năm 2025, đóng góp hơn 12% GDP và nâng tỷ lệ giá trị Việt Nam trong ngành từ 32% lên 50% vào năm 2030.

Trong bối cảnh đó, bản đồ doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam 2025 được kỳ vọng là công cụ hỗ trợ định vị và phát triển doanh nghiệp trong hệ sinh thái công nghệ số. Đây là nền tảng quan trọng giúp các doanh nghiệp công nghệ xác định chiến lược phù hợp để bứt phá trong thời đại số.

Bản đồ doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam không chỉ giúp doanh nghiệp định vị được năng lực mà còn tạo nền tảng để mở rộng hợp tác, thu hút đầu tư và tiếp cận các thị trường mới. Đây cũng là cơ hội để cộng đồng doanh nghiệp công nghệ Việt Nam khẳng định dấu ấn trên bản đồ công nghệ toàn cầu. Bản đồ công nghệ này giúp định vị doanh nghiệp trong hệ sinh thái công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh; kết nối với mạng lưới đầu tư, quỹ hỗ trợ đổi mới sáng tạo; tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường quốc tế.